

**Vũ Tường****“Ngày nay, Cách mạng Đông Dương phải ‘hiện nguyên hình’”: Bước ngoặt dẫn đến đấu tranh giai cấp và nội chiến Việt Nam vào năm 1948**  
**Nguyễn Việt dịch**

**Tóm tắt:** Năm 1948, nội chiến bùng nổ giữa các Đảng Cộng sản và các Đảng phái quốc gia không cộng sản ở các nước Đông Nam Á có phong trào cộng sản mạnh (Miến Điện, Mã Lai và Indonesia). Ở Việt Nam, nội chiến bắt đầu chậm hơn một thập niên, và năm 1950 thường được coi là năm bản lề khi hai phe trong Chiến tranh Lạnh công nhận hai chính phủ đối nghịch Bảo Đại và Hồ Chí Minh. Cho đến nay, các sử gia Chiến tranh Lạnh đã coi nhẹ tầm quan trọng của năm 1948 đối với Đông Dương. Dựa trên tài liệu mới, bài báo này chỉ ra những biến chuyển then chốt về chính trị bên trong phong trào dân tộc Việt Nam vào năm 1948. Đó là kết quả tổng hợp của những tiến triển cuối 1947 và đầu 1948, bao gồm các thay đổi chính trị trên thế giới, trong mối quan hệ Pháp-Việt, và trong quan hệ giữa các lãnh tụ cộng sản và không cộng sản trong nhà nước Việt Minh. Đến cuối năm 1948, lãnh đạo Đảng Cộng sản Đông Dương đã bắt đầu đặt mục tiêu đấu tranh giai cấp và xã hội chủ nghĩa ngang với mục tiêu độc lập dân tộc. Khởi liên hiệp dân tộc từng dẫn dắt Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (VNDCCH) đã bị phá vỡ vào năm 1948, dù cho phải nhiều năm sau nội chiến mới bùng nổ. Do đó, cũng như ở nhiều nơi khác tại Đông Nam Á, năm 1948 đánh dấu một giai đoạn mới: khởi đầu cho kết thúc của thời kỳ ‘mặt trận đoàn kết’ và sự hợp tác của cộng sản với với những người quốc gia không cộng sản.

**Dẫn nhập<sup>1</sup>**

Các sử gia về Chiến tranh Lạnh không xem 1948 là bước ngoặt quan yếu ở Đông Dương. Thay vào đó, họ lại đề cao năm 1950, khi Đảng Cộng sản Đông Dương (ĐCSĐD) bắt đầu có được sự hỗ trợ từ Trung Quốc và khối Xô viết, cũng là khi người Pháp và phe chống cộng do Mỹ đứng đầu công nhận Quốc gia Việt Nam do Hoàng đế Bảo Đại lập ra như một chính phủ đối kháng với Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (VNDCCH) của chủ tịch Hồ Chí Minh. Dựa trên các tài liệu nội bộ của Đảng Cộng sản mới được công bố, báo chí của Việt Nam, cũng như hồi ký và phỏng vấn các bộ trưởng không cộng sản trong chính phủ VNDCCH hồi những năm 1945-1950, chúng tôi hy vọng chỉ ra được những biến chuyển then chốt về chính trị của phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam trong giai đoạn 1945-1948 cho đến nay vẫn chưa được biết đến rộng rãi.<sup>2</sup>

Các biến chuyển này là kết quả của hai xu hướng mang tính hội tụ của giai đoạn từ cuối 1947 đến đầu 1948. Xu hướng thứ nhất bao gồm việc thành lập Cục Thông tin của các Đảng Cộng sản và Lao động (Cominform), sự ra đời của “đường lối Zhdanov” của Liên Xô, thắng lợi quân sự của Trung Cộng tại Mãn Châu và chính sách cải cách ruộng đất mới của Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCSTQ), sự thất bại trong tranh cử của cánh tả tại Pháp, và thành công của các phe nhóm quốc gia trong việc thành lập một chính phủ mới do Bảo Đại làm Quốc trưởng với sự hậu thuẫn của Pháp. Xu hướng thứ hai bao gồm những xung đột trong chính phủ VNDCCH giữa các lãnh tụ cộng sản và không cộng sản—xu hướng này chưa được giới sử gia biết đến như xu hướng thứ nhất. Những xung đột nội bộ và các thay đổi trên chính trường

<sup>1</sup> Công trình nghiên cứu này được sự giúp đỡ của Viện Việt Nam học và Khoa học Phát triển thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội và Viện Nghiên cứu Châu Á, Đại học Quốc gia Singapore. Bài báo nhận được những ý kiến đóng góp có giá trị của Ang Cheng Guan, Karl Hack, Anthony Reid, Geoff Wade, và nhất là Bruce Lockhart trong Ban Biên tập *Journal of Southeast Asian Studies*. Bài báo sẽ xuất hiện trong *Journal of Southeast Asian Studies*, 40, 3 (October 2009), 519-542. Bản dịch của Nguyễn Việt do chính tác giả hiệu đính. Một số câu văn trong bản dịch không theo sát nguyên tác, và một số chú thích được rút gọn, để bản dịch dễ hiểu hơn đối với độc giả Việt Nam.

<sup>2</sup> Kim Ninh, *A World Transformed: The Politics of Culture in Revolutionary Vietnam, 1945-1965* (Ann Arbor: University of Michigan Press, 2002; các chương 2 và 3), phân tích các biến chuyển trong chính sách văn hoá và xung đột giữa cán bộ chính trị và trí thức trong những năm 1948-1950, và cũng đồng ý với lập luận ở đây, theo đó 1948 là một thời điểm bước ngoặt của cách mạng Việt Nam.

quốc tế khuyến khích các lãnh tụ ĐCSDD đưa cuộc cách mạng giải phóng dân tộc rẽ vào con đường đấu tranh giai cấp và chủ nghĩa xã hội phù hợp với niềm tin vào chủ nghĩa cộng sản của họ.<sup>3</sup> Bước chuyển này thể hiện ở các thay đổi trong chính sách ruộng đất và những nỗ lực củng cố Đảng trong năm 1948. Một hội nghị toàn thể của Đảng đầu năm 1948 quyết định thúc đẩy trở lại chính sách ruộng đất và tăng cường phát động nông dân. Đảng cũng dự định triệu tập Đại hội vào cuối năm 1948 (nhưng sau bị hoãn) nhằm tái lập Đảng Cộng sản Đông Dương (ĐCSDD) đã bị giải tán về mặt công khai, nhưng thực chất là đi vào hoạt động bí mật vào cuối năm 1945 dưới tên Hội Nghiên cứu Chủ nghĩa Mác ở Đông Dương. Các tờ báo của Đảng cho phép phê phán công khai đối với các bộ trưởng không cộng sản của chính phủ Việt Minh. Việc này dẫn tới những cuộc tranh luận gay gắt và bất hoà công khai giữa những người cộng sản và không cộng sản. Khoảng cuối năm 1948, lãnh đạo Đảng đã bắt đầu nhìn xa hơn độc lập dân tộc, hướng tới việc xây dựng một chế độ "dân chủ mới" (thực chất là chế độ kiểu Mao-ít và Sta-lin-nít) dựa trên phát động quần chúng đấu tranh giai cấp. Hình thức liên hiệp của chính phủ VNDCCH trên thực tế đã đổ vỡ vào năm 1948, mặc dù sự đổ vỡ được thể hiện dần dần trong giai đoạn 1949-1950 khi quyền lực của các bộ trưởng không cộng sản bị tước bỏ và nhiều viên chức và trí thức không cộng sản của VNDCCH rời chiến khu để "dinh tề" (tức là quay về sống tại các khu vực do Pháp kiểm soát).<sup>4</sup> Cũng như ở những nơi khác tại Đông Nam Á, năm 1948 đánh dấu hồi kết của giai đoạn mặt trận đoàn kết mở rộng, ở đây có nghĩa là hồi kết cho liên minh mang tính dân tộc chủ nghĩa đã giành được chính quyền tại Việt Nam vào năm 1945. Nhưng không giống như các nơi khác, những sự kiện chính trị nội bộ của VNDCCH thời kỳ 1945-1950 bị che giấu mãi cho tới gần đây, vì những người không cộng sản hoặc giữ im lặng hoặc không được ai lắng nghe, và nhiều tài liệu quan trọng của Đảng Cộng sản không được công bố.<sup>5</sup>

Bài viết được chia thành bốn phần. Phần đầu bàn về các thỏa hiệp mà ĐCSDD buộc phải thực hiện vào cuối năm 1945 khi họ lên nắm chính quyền. Không hiểu được những thỏa hiệp này, những gì đã bị các nhà lãnh đạo cộng sản cố ý che giấu cho mãi tới gần đây, thì sẽ không hiểu ý nghĩa của bước ngoặt năm 1948. Phần thứ hai nhìn lại các bước tiến triển trong năm 1947 liên quan tới cuộc chiến giữa Pháp và VNDCCH, cũng như những sự kiện quốc tế khác. Phần thứ ba tập trung vào xung đột trong nội bộ chính phủ Việt Minh giữa các lãnh tụ cộng sản và những nhân sĩ không cộng sản sau hai năm hợp tác vì sự nghiệp giải phóng dân tộc. Phần thứ tư phân tích sự đổ vỡ trong khối liên minh vào năm 1948 bắt nguồn từ những chính sách mới của ĐCSDD. Trong phần kết luận, chúng tôi sẽ trình bày lý do tại sao ở Việt Nam nội chiến diễn ra chậm hơn so với các nước Đông Nam Á khác.

### Các thỏa hiệp bị lãng quên

Sau công trình mang tính mở đường của Vũ Ngự Chiêu, các chuyên gia lịch sử Việt Nam hiện đại đã bắt đầu đặt câu hỏi về giả thuyết cho rằng chính phủ Việt Minh đại diện cho một cuộc đoạn tuyệt triệt để với

<sup>3</sup> Việc thảo luận đầy đủ về những thay đổi trong chính sách đấu tranh giai cấp của ĐCSDD nằm ngoài phạm vi bài viết này. ĐCSDD chủ yếu nhấn mạnh đấu tranh giai cấp trong thập niên tồn tại đầu tiên, nhưng ở giai đoạn từ 1941 đến 1948 đã tạm gác chủ trương này lại. Trước 1948, chính sách đấu tranh giai cấp của ĐCSDD luôn chịu ảnh hưởng của đường lối của Quốc tế Cộng sản III (QTCS), đồng thời cũng phản ánh những cuộc tranh luận nội bộ về các chính sách cụ thể giữa các lãnh tụ cực đoan và ôn hoà. Huỳnh Kim Khánh, *Vietnamese Communism* (Ithaca: Cornell University Press, 1982) trình bày khá đầy đủ về chính sách của ĐCSDD và mối quan hệ QTCS-ĐCSDD trong những năm 1930. Chúng tôi đã từng phân tích cụ thể chính sách của ĐCSDD trong những năm 1940 và 1950 liên quan tới mối quan hệ giữa cách mạng dân tộc và đấu tranh giai cấp; xem Tuong Vu, *Paths to Development in Asia: South Korea, Vietnam, China, and Indonesia* (New York: Cambridge University Press, 2010); và Vu, "From Cheering to Volunteering: Vietnamese Communists and the Arrival of the Cold War, 1940-1951", trong Christopher Goscha và Christian Ostermann, bs. *Connecting Histories: The Cold War and Decolonization in Asia (1945-1962)* (Stanford: Stanford University Press, 2009).

<sup>4</sup> Về trường hợp một trí thức rời chiến khu, xem Phạm Duy, *Hồi Ký: Cách Mạng và Thời Kháng Chiến* (PDC Musical Productions, 1991).

<sup>5</sup> Bài báo này dựa nhiều vào hai hồi ký mới được xuất bản của Ô. Vũ Đình Hoè. Những hồi ký này gộp chung cả các hồi ký chưa được xuất bản của nhiều người từng thân cận với Ô. Vũ như Phan Anh và Vũ Trọng Khánh. Ô. Vũ Đình Hoè, sinh năm 1912, là bộ trưởng không cộng sản duy nhất trong chính phủ Việt Minh hiện còn sống. Chúng tôi xin cảm ơn Ô. Vũ và con trai ông, Giáo sư Vũ Thế Khôi, vì đã cho phép chúng tôi phỏng vấn nhiều lần kể từ năm 2003.

chính phủ Trần Trọng Kim tồn tại trước đó trong một khoảng thời gian ngắn (từ tháng Tư tới tháng Tám năm 1945).<sup>6</sup> Giả thuyết này có phần dựa trên việc thiếu tài liệu liên quan tới chính phủ Trần Trọng Kim. Nói đúng hơn, có lẽ các nhà quan sát đã tin (có ý thức hoặc vô thức) theo tuyên truyền của các sử gia cộng sản (vd Trần Huy Liệu) rằng chế độ Trần Trọng Kim chỉ là một chính phủ bù nhìn đã sụp đổ vào tháng Tám năm 1945 khi những người cộng sản giành quyền lực với sự hậu thuẫn của dân chúng. Ở đây lại thêm một trường hợp người chiến thắng viết sử để che giấu những gì đã xảy ra. Chúng tôi có ý định chỉ ra rằng, để giành chính quyền và tồn tại được vào cuối năm 1945, những người cộng sản buộc phải có các thỏa hiệp [compromise] và thu nạp [accommodate] những thành viên trong chính phủ Trần Trọng Kim, giới tinh hoa thuộc địa và giới viên chức thuộc địa, cũng như các nhóm quần chúng địa phương. Không hiểu được những thỏa hiệp ấy, chúng ta sẽ không thể hiểu được tầm quan trọng của năm 1948, khi những thỏa hiệp ấy tan rã và góp phần tạo ra cuộc nội chiến giữa miền Bắc và miền Nam Việt Nam.

Câu chuyện về các thỏa hiệp này bắt đầu với việc Nhật tiến vào Đông Dương thuộc Pháp thông qua đàm phán vào năm 1940. Đối diện với hiểm họa Nhật Bản, chính phủ Vichy đồng ý cho phép Nhật sử dụng các cảng, đường sá, nhân công và vật lực Đông Dương cho mục tiêu chiến tranh. Để đổi lại, Pháp được tiếp tục cai trị Đông Dương.<sup>7</sup> Mãi cho tới tháng Ba năm 1945, sau khi Vichy sụp đổ ở Pháp và để đón đầu trước việc Đồng Minh đổ bộ vào Đông Dương sắp xảy ra, Nhật mới quyết định lật đổ Pháp. Sau khi cầm tù các viên chức và lính tráng người Pháp vào tháng Ba năm 1945, Nhật cho phép hoàng đế Việt Nam tuyên bố một Đế quốc Việt Nam (ĐQVN) độc lập và thiết lập nền cai trị của người Việt Nam. Thay vì lựa chọn những nhân vật quốc gia chủ nghĩa [nationalists] có kinh nghiệm (như họ đã làm ở Java), Nhật lại chọn một nhóm gồm các chuyên gia và trí thức thành công về chuyên môn nhưng không có kinh nghiệm chính trị để lập một chính phủ mới ở Việt Nam.<sup>8</sup> Thủ tướng của chính phủ này, Trần Trọng Kim, đã được đào tạo tại Pháp và chủ yếu được biết đến với tư cách sử gia và thanh tra trường học.<sup>9</sup>

Mặc dù các nhà lãnh đạo có ít kinh nghiệm chính trị và chính phủ này chỉ kéo dài có bốn tháng, thật là sai lầm nếu phủ nhận vai trò lịch sử của nó.<sup>10</sup> Liên kết với chính phủ là nhiều nhóm thành thị có thể lực như Đảng Đại Việt<sup>11</sup> và nhóm *Thanh Nghị*.<sup>12</sup> Phan Anh và Vũ Văn Hiến, hai luật gia được Pháp đào tạo và là thành viên chủ chốt của nhóm *Thanh Nghị* làm Bộ trưởng Thanh niên và Bộ trưởng Tư pháp. Nhóm *Thanh Nghị* lập ra một tổ chức tên là Tân Việt Nam Hội để thu hút hậu thuẫn của quần chúng cho chính phủ mới.<sup>13</sup> Trung ương của Đảng này do Vũ Đình Hòe làm Tổng Thư ký bao gồm 33 trí thức và chuyên gia xuất sắc, là một phần trong mạng lưới thân hữu cùng chí hướng đã đóng góp cho tạp chí *Thanh*

<sup>6</sup> Vũ Ngự Chiêu, "The Other Side of the Revolution: The Empire of Vietnam (March-August 1945)", *Journal of Asian Studies*, 45, 2 (tháng Hai 1986), tr. 293-328. Vũ Ngự Chiêu chỉ ra bằng cách nào mà chính phủ Trần Trọng Kim đã tạo những điều kiện thuận lợi cho việc đoạt chính quyền thành công của Việt Minh vào tháng Tám năm 1945. Cũng xem Stein Tønnesson, *The Vietnamese Revolution of 1945* (London: SAGE Publications, 1991); và David Marr, *Vietnam 1945: The Quest for Power* (Berkeley: University of California Press, 1995).

<sup>7</sup> Vai trò của Nhật ở Đông Dương không rõ ràng như ở Indonesia. Tại Indonesia thuộc Hà Lan, các lực lượng Nhật Bản đổ bộ, nhanh chóng đánh bại quân đội Hà Lan, rồi đưa những lãnh tụ phong trào giải phóng dân tộc có tiếng tầm đang bị Hà Lan giam giữ ra làm việc với tư cách cố vấn cho chính phủ quân sự Nhật, với lời hứa về độc lập trong tương lai. Nhưng ở Việt Nam, vì Pháp vẫn còn đó, Nhật không làm gì nhiều ngoài việc thiết lập liên lạc với các nhóm Việt Nam như Hoà Hảo và Cao Đài và bảo vệ một vài nhân vật chống Pháp khỏi bị Pháp đàn áp.

<sup>8</sup> Tønnesson, *The Vietnamese Revolution of 1945*, tr. 282-6; và Marr, *Vietnam 1945*, tr. 116-7 bàn về nhiều giả thuyết liên quan tới các động cơ của Nhật.

<sup>9</sup> Nguyễn Quốc Thắng và Nguyễn Bá Thế, *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam* (Thành phố Hồ Chí Minh: Văn Hoá, 1997), tr. 894-5.

<sup>10</sup> Vũ Ngự Chiêu, "The Other Side of the Revolution".

<sup>11</sup> Xem François Guillemot, "Vietnamese Nationalist Revolutionaries and the Japanese Occupation: The Case of the Đại Việt Parties (1936-1946)", trong Li Narangoa and Robert Cribb, bs. *Imperial Japan and National Identities in Asia, 1895-1945* (New York: Routledge Curzon, 2003), tr. 221-48.

<sup>12</sup> Nhóm này gồm nhiều luật gia, bác sĩ và chuyên gia, xuất bản tờ tạp chí *Thanh Nghị* tại Hà Nội từ 1940 đến 1945.

<sup>13</sup> Trong cuộc phỏng vấn của chúng tôi với Ô. Vũ Đình Hoè (Hà Nội, tháng Chạp 2003), ông giải thích rằng vào thời ấy "Hội" cũng có nghĩa là "đảng".

*Nghị*.<sup>14</sup> Trong thời gian tồn tại ngắn ngủi của mình, chính phủ Trần Trọng Kim đã mở rộng cơ hội cho quần chúng tham gia chính trị bằng cách xoá bỏ chế độ kiểm duyệt báo chí, thả hàng nghìn tù chính trị từ các nhà tù thực dân và phát động phong trào thanh niên tại các thành phố. Nếu không có những động thái ấy, chắc hẳn sẽ không thể có các cuộc nổi dậy bột phát của quần chúng dẫn tới việc giành chính quyền khi Nhật đầu hàng vào tháng Tám năm 1945.

Cú đảo chính của Nhật vào tháng Ba năm 1945 đã đưa chính phủ Trần Trọng Kim lên nắm chính quyền, nhưng đồng thời, sự kiện này lại là một món quà của Nhật cho phong trào cộng sản.<sup>15</sup> Cho đến khi ấy, cảnh sát và mật thám Pháp vẫn rất hiệu quả trong việc đàn áp cộng sản. Năm 1940, nhà cầm quyền thực dân đã đập tan dễ dàng một cuộc nổi dậy do ĐCSĐD lãnh đạo tại miền Nam và xử tử gần như tất cả các nhà lãnh đạo của Đảng. Năm 1941, Hồ Chí Minh quay về vùng biên giới Việt-Trung tìm cách gây dựng lại phong trào. Ông và các nhà lãnh đạo còn sống sót thuộc chi bộ phía Bắc của ĐCSĐD lập ra Việt Nam Độc lập Đồng minh, một tổ chức mặt trận do cộng sản kiểm soát nhưng mở rộng cho mọi người.<sup>16</sup> Học tập theo chiến lược của Trung Quốc, các lãnh tụ ĐCSĐD cũng tìm cách lập ra một lực lượng du kích để huy động quần chúng.<sup>17</sup> Dưới sự bảo trợ của Trương Phát Khuê, một viên tướng Quốc dân Đảng Trung Quốc (QDĐTQ), Hồ miễn cưỡng làm việc chung với các nhóm quốc gia lưu vong ở miền Nam Trung Hoa nhằm thành lập một mặt trận tương tự, nhưng kết quả rất khiêm tốn.<sup>18</sup> Cho đến trước tháng Ba năm 1945, tổ chức Việt Minh hoạt động rất yếu ớt vì bị Pháp đàn áp nặng nề.<sup>19</sup> Tình thế này thay đổi sau khi Nhật hất cẳng Pháp vào tháng Ba năm 1945. Vào quãng thời gian đó, Nhật chủ yếu lo đối phó việc các lực lượng Đồng minh đổ bộ vào Đông Dương, chứ không phải một cuộc nổi dậy trong nước. Vì vậy, vùng nông thôn bị bỏ mặc, và Việt Minh đã nhanh chóng lấp đầy khoảng trống.<sup>20</sup> Tuy về công khai vẫn tổ cáo chính phủ Trần Trọng Kim là bù nhìn của Nhật,<sup>21</sup> nhưng những người cộng sản vẫn kín đáo tìm cách giác ngộ các quan chức của chính phủ theo Việt Minh.<sup>22</sup> Bước đi này chuẩn bị trước cho những thỏa hiệp về sau.

Chính phủ Trần Trọng Kim mới tồn tại được bốn tháng thì Nhật đầu hàng. Trước tình hình sôi sục của quần chúng và cuộc nổi dậy ủng hộ Việt Minh ở Hà Nội, chính phủ này đã từ nhiệm và thỏa thuận chuyển giao quyền lực cho đối thủ một cách hoà bình. Thỏa hiệp này rất quan trọng, bởi vì chính phủ Trần Trọng Kim hoàn toàn có thể tìm cách đàn áp những người cộng sản: tại Hà Nội, nơi Việt Minh mạnh hơn cả, các nhóm ủng hộ Việt Minh có không tới 1.000 người với khoảng 100 khẩu súng, trong khi chính phủ Trần Trọng Kim có thể điều động 1.500 dân binh có vũ trang.<sup>23</sup> Để đổi lại thỏa hiệp này, nhiều quan chức của chính phủ Trần Trọng Kim sau đó được giao các vị trí trong chính phủ Việt Minh với tư cách bộ trưởng và thứ trưởng. Trong số này có Phan Anh (Bộ trưởng Thanh niên), Phan Kế Toại (Khâm sai Bắc Bộ), Nguyễn Văn Hưởng (Đồng lý Văn phòng cho Phan Kế Toại), Tạ Quang Bửu (trợ lý cho Phan Anh), Vũ Trọng Khánh (Thị trưởng Hải Phòng), Nguyễn Mạnh Hà (Giám đốc Kinh tế Hải Phòng), Hoàng Minh Giám (Trưởng đoàn Liên lạc Nhật-Việt ở Bắc Kỳ), và nhiều người khác. Nền hành chính thuộc địa, bao gồm các bộ luật thuộc địa, thủ tục và nhân viên, được nhập vào nhà nước mới gần như một cách nguyên

<sup>14</sup> Vũ Đình Hoè, *Hồi ký Thanh Nghị* (Hà Nội: Văn Học, 1995), tr. 182-9. Tân Việt Nam Hội sẽ bị Nhật cầm vào tháng Bảy năm 1945 và nhiều lãnh tụ của đảng sẽ gia nhập Việt Minh.

<sup>15</sup> Tønnesson, *The Vietnamese Revolution of 1945*, tr. 247.

<sup>16</sup> nt, tr. 114-25.

<sup>17</sup> nt, tr. 125-32 & 144-7.

<sup>18</sup> nt, tr. 122. Hồ Chí Minh sang miền Nam Trung Quốc vào năm 1943, bị các lực lượng của QDĐTQ bắt bỏ tù trong vòng một năm trước khi được thả và được yêu cầu hợp tác với các nhóm quốc gia chống Pháp.

<sup>19</sup> nt, tr. 131.

<sup>20</sup> nt, tr. 249. Trong một bài đăng trên báo *Việt Nam Độc Lập* của Việt Minh (30 tháng Tư 1945), đã có lời công nhận phong trào hưởng lợi từ việc người Pháp sụp đổ.

<sup>21</sup> Xem *Việt Nam Độc Lập*, 21 tháng Tư 1945.

<sup>22</sup> Lê Trọng Nghĩa, "Các cuộc tiếp xúc giữa Việt Minh với Chính phủ Trần Trọng Kim". Trong *Lịch sử, sự thật và bài học* (Hà Nội: Trẻ, 2000).

<sup>23</sup> Marr, *Vietnam 1945*, tr. 393.

ven.<sup>24</sup> Hàng nghìn lính thuộc địa bỏ hàng ngũ để gia nhập quân đội Việt Minh vào cuối năm 1945.<sup>25</sup> Nhà nước Việt Minh ra đời thông qua những thỏa hiệp quan trọng nhưng đã bị quên lãng này. Khi Hồ Chí Minh tuyên thệ nhậm chức chủ tịch nước VNDCCH vào đầu tháng Chín năm 1945, gần một nửa vị trí trong nội các của ông được giao cho những người không cộng sản.<sup>26</sup> Bên cộng sản nắm các bộ Ngoại giao, Quốc phòng, Nội vụ và Thông tin trong chính phủ liên hiệp, còn thực quyền ở các bộ Kinh tế, Canh nông, Giáo dục và Tư pháp thuộc về những người không cộng sản.

Người ta vẫn hay nghĩ chính phủ Việt Minh là một mặt trận đoàn kết, với ĐCSĐD ở vị trí chỉ huy trung tâm, còn các nhân vật không cộng sản quy tụ ở vòng ngoài với rất ít quyền lực thực tế. Nhưng thực tế không đúng như vậy. Chấp nhận sự thỏa hiệp về chính trị vì lực lượng nhỏ và yếu, ĐCSĐD buộc phải trao cho các nhân sĩ không cộng sản, phần lớn là thành viên của nhóm *Thanh Nghị*, quyền lực thực thụ với tư cách các bộ trưởng một số bộ và cán bộ chủ chốt trong nhiều cơ quan khác. Thay vì chịu sự chỉ huy của ĐCSĐD giống như mô hình lý thuyết của mặt trận đoàn kết,<sup>27</sup> các lãnh tụ không cộng sản đã đóng vai trò độc lập trong lãnh vực họ phụ trách. Dù các lãnh vực này không nằm trong địa hạt ngoại giao hay quốc phòng, chúng là nơi quyết định các chính sách xã hội-văn hoá-kinh tế cả ở phạm vi quốc gia lẫn địa phương. Tuy phe cộng sản giữ quyền thống trị chung, những người cộng sản chỉ kiểm soát được một số cơ cấu nhà nước chủ chốt. Đúng như lãnh tụ ĐCSĐD đồng thời là Thủ tướng Phạm Văn Đồng từng than phiền vào đầu năm 1950, "Hiện nay Đảng ta chỉ nắm cơ quan chính quyền trọng yếu, còn cả bộ máy nhà nước, cả bộ máy chuyên môn chúng ta không nắm được hết. Đối với một đôi ngành có tính chất quan trọng đặc biệt như công an, chúng ta nắm không hết từ trên đến dưới, nắm không chặt tư pháp, giáo dục thì có thể nói còn ở ngoài sự lãnh đạo trực tiếp và mật thiết của chúng ta."<sup>28</sup> Dưới đây chúng ta sẽ xem tại sao Phạm Văn Đồng buồn bực; tuy nhiên vào cuối năm 1945, dường như thỏa hiệp là con đường duy nhất giúp một ĐCSĐD yếu ớt lên nắm quyền và trụ được ở đó.

Trên thực tế, nếu không có thỏa hiệp ngay từ đầu này, ĐCSĐD hẳn sẽ không thể sống sót được lâu sau khi đoạt được quyền lực vào tháng Tám năm 1945. VNDCCH mới được năm tuần tuổi thì quân QĐĐTQ của Tưởng Giới Thạch tiến vào Hà Nội giải giáp quân Nhật theo hiệp ước Postdam.<sup>29</sup> Đi theo đoàn quân này từ miền Nam Trung Quốc là hai nhóm hải ngoại, Việt Nam Quốc dân Đảng (VNQDD) và Việt Nam Cách mạng Đồng minh Hội (VNCMĐMH). Sau thất bại của cuộc khởi nghĩa Yên Bái năm 1930, VNQDD chuyển sang hoạt động ở miền Nam Trung Quốc. Vào năm 1945, lãnh đạo của đảng này là Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh), một trí thức do Pháp đào tạo và tiểu thuyết gia lừng danh.<sup>30</sup> Trong những năm 1930, Nguyễn Tường Tam là linh hồn của tổ chức Tự lực Văn đoàn tại Hà Nội nhưng đã xuất dương trong Thế chiến thứ hai để gia nhập VNQDD. Lãnh đạo của VNCMĐMH là Nguyễn Hải Thần, người đã xuất dương chống Pháp từ năm 1905, từng học và dạy tại Trường Võ bị Hoàng Phố.<sup>31</sup> Lực lượng dân quân của VNQDD và VNCMĐMH giành chính quyền tại nhiều tỉnh miền Bắc và đòi chính phủ Việt Minh phải giải tán. Các lực lượng Việt Minh vẫn còn kiểm soát được Hà Nội nhưng ngày nào cũng xảy ra xô xát giữa hai bên.

<sup>24</sup> David Marr, "Beyond High Politics: State Formation in Northern Vietnam, 1945-1946", trong Christopher Goscha and Benoit de Treglode, bs. *Naissance d'un Etat-Parti: Le Viet Nam depuis 1945/ The Birth of a Party-State: Vietnam since 1945* (Paris: Le Indes Savantes, 2004), tr. 25-60.

<sup>25</sup> John McAlister, *Vietnam: The Origins of Revolution* (New York: Alfred Knopf, 1969); Greg Lockhart, *Nations in Arms: Origins of the People's Army of Vietnam* (Wellington: Allen & Unwin, 1989), tr. 150, 175-6.

<sup>26</sup> Những người không cộng sản bao gồm Vũ Đình Hoè (Giáo dục, và sau này là Tư pháp), Dương Đức Hiền (Thanh niên), Vũ Trọng Khánh (Tư pháp), Nguyễn Mạnh Hà (Kinh tế), Nguyễn Văn Tố (Cứu tế Xã hội), và Nguyễn Văn Xuân (Bộ trưởng không bộ). Sau này còn có thêm nhiều người không cộng sản nữa, như Nghiêm Xuân Yêm (Canh nông), Nguyễn Văn Huyền (Giáo dục), Trần Đăng Khoa (Thủy lợi), và Phan Anh (Công thương).

<sup>27</sup> Huỳnh Kim Khánh, *Vietnamese Communism*, tr. 137-41, mô tả lý thuyết và thực tiễn của ĐCSĐD về mặt trận đoàn kết trong những năm 1930.

<sup>28</sup> Phạm Văn Đồng, "Phải kiện toàn chính quyền cộng hoà nhân dân", bài diễn văn đọc tại Hội nghị cán bộ lần thứ ba, 21/1-3/2/1950. Đảng Cộng sản Việt Nam (ĐCSVN), *Vấn kiến Đảng toàn tập*, t. 11, tr. 185.

<sup>29</sup> Peter Worthington, "Occupation and Revolution: The Chinese Nationalist Army in Northern Vietnam, 1945-1946" (luận án tiến sĩ, University of Hawaii, Honolulu, 1995).

<sup>30</sup> Neil Jamieson, *Understanding Vietnam* (Berkeley: University of California Press, 1993), tr. 113-4, 176-81.

<sup>31</sup> Nguyễn Quốc Thăng và Nguyễn Bá Thế, *Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam*, tr. 953-4.

Các tướng lĩnh QĐĐTQ chủ yếu quan tâm tới việc giữ gìn trật tự và giải giáp quân đội Nhật. Không giống như người Mỹ ở Nam Hàn hay người Anh ở Sài Gòn, chỉ huy quân đội QĐĐTQ ở Hà Nội công nhận chính phủ của Hồ Chí Minh. Như đã nói ở trên, trong những năm 1943-1944, QĐĐTQ bảo trợ sự hợp tác giữa nhiều nhóm Việt Nam lưu vong, trong đó có Hồ Chí Minh với tư cách đại diện của Việt Minh. Giờ đây, họ chỉ đơn giản là tiếp tục sự bảo trợ ấy bằng cách gây sức ép bắt ông ta chia sẻ quyền lực với VNQĐĐ và VNCMĐMH. Vì yếu thế, những người cộng sản đã nhường cho Nguyễn Hải Thần chức Phó Chủ tịch, và bàn giao một số bộ và 70 ghế trong Quốc hội vừa được bầu ra cho VNQĐĐ và VNCMĐMH. Hồ Chí Minh cũng bị buộc phải chỉ định những người "không đảng phái"<sup>32</sup> vào chức Bộ trưởng Nội vụ và Quốc phòng. Vì muốn chối bỏ các cáo buộc của VNQĐĐ và VNCMĐMH cho rằng chính phủ Việt Minh là một chính phủ cộng sản trá hình, các lãnh tụ ĐCSĐĐ đã làm một động thái thỏa hiệp thông qua việc giải tán ĐCSĐĐ vào tháng Mười một năm 1945. Trên thực tế, Đảng chưa bao giờ bị giải thể; nó chỉ rút vào hoạt động bí mật kể từ đó. Đã có lúc, áp lực của quân đội Tưởng Giới Thạch mạnh tới mức thậm chí Hồ Chí Minh còn nghĩ đến việc đưa Bảo Đại trở lại đứng đầu chính phủ, còn ông sẽ từ chức để trở thành một "cố vấn".<sup>33</sup> Nhưng trên thực tế, ĐCSĐĐ chưa bao giờ thực sự trao quyền lực cho các đối thủ của mình hoặc các bộ trưởng không đảng phái.<sup>34</sup> Ngay khi quân đội Trung Quốc rút về vào giữa năm 1946,<sup>35</sup> chính phủ Hồ Chí Minh đã thanh toán phần lớn lãnh tụ của VNQĐĐ và VNCMĐMH; những người trốn thoát chạy sang miền Nam Trung Quốc và các nơi khác.<sup>36</sup>

Sự đối đầu giữa ĐCSĐĐ và VNQĐĐ/VNCMĐMH càng củng cố thêm thỏa hiệp trước đó giữa những người cộng sản và những nhân sĩ không cộng sản bên trong chính phủ Việt Minh. Để đối phó với việc VNQĐĐ và VNCMĐMH tăng cường ve vãn tầng lớp trên tại các thành thị, ĐCSĐĐ phải dựa nhiều hơn vào những trí thức và doanh nhân có chân trong chính phủ liên hiệp. Các quan chức cũ của chính phủ Trần Trọng Kim đã đóng một vai trò cốt tử nhưng vẫn chưa được thừa nhận trong việc thu hút sự ủng hộ của quần chúng cho Việt Minh. Những người này có nhiều uy tín và ảnh hưởng lớn với dân chúng, đặc biệt là với các nhóm tinh hoa thành thị. Các mối quan hệ gia đình hay kinh doanh của họ với giới quan lại, tinh hoa địa phương và công chức thuộc địa đã giúp lôi kéo những người này sang phe Việt Minh.<sup>37</sup> Thêm vào đó, công an Việt Minh tiến hành rất nhiều vụ bắt bớ đảng viên của VNQĐĐ và VNCMĐMH với cơ vi phạm pháp luật. Sự tham gia của những nhân sĩ không cộng sản trong chính phủ, đặc biệt là Bộ Tư pháp, khiến những vụ bắt bớ này dễ bị coi là một cuộc thanh trừng của cộng sản. Đương cục, QĐĐTQ có thể lấy cớ những vụ bắt bớ này để lật đổ chính phủ Việt Minh. Ngoài vai trò chính trị của mình, những nhân sĩ không cộng sản có hiểu biết trong các lĩnh vực kỹ thuật cũng hữu dụng đối với chính phủ Việt Minh thực hiện nhiều nhiệm vụ hành chính khó khăn, trong đó có việc thảo ra một bản Hiến pháp mới và các đạo luật mới, lựa chọn và bổ nhiệm các quan chức mới, chiến đấu chống nạn mù chữ và nạn lụt lội, cũng như áp dụng chính sách nông nghiệp nhằm phòng ngừa nạn đói.

Một thỏa hiệp quan trọng thứ hai của ĐCSĐĐ đã được thực hiện ở mức độ địa phương. Các nghiên cứu trước đây khẳng định sự lãnh đạo tập trung của ĐCSĐĐ trong cuộc cách mạng, còn những công trình gần đây hé lộ một tình huống phức tạp hơn. Trước tháng Tám năm 1945, các lãnh tụ Việt Minh đã tính toán sai khi trông chờ liên quân Mỹ-Trung Quốc tiến vào Đông Dương đánh Nhật. Do vậy, họ tập trung

<sup>32</sup> "Không đảng phái" chỉ những người không thuộc ĐCSĐĐ, VNQĐĐ hay VNCMĐMH.

<sup>33</sup> Vũ Đình Hoè, *Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh* (Hà Nội: Văn hoá Thông tin, 2000), tr. 58.

<sup>34</sup> Về các nỗ lực của cộng sản trong việc giành lấy Bộ Nội vụ từ tay một người không đảng phái, xem Lê Giản, *Những ngày sóng gió: Hồi ký* (Hà Nội: Công an Nhân dân, 2000).

<sup>35</sup> Mỹ gây sức ép với chính phủ Tưởng Giới Thạch để quân đội Pháp vào thay quân đội Trung Quốc. Đổi lại, người Pháp đồng ý cho Tưởng một số đặc quyền thương mại tại Bắc Việt Nam. Xem Worthington, "Occupation and Revolution".

<sup>36</sup> Những người ở lại có số phận bất hạnh. Chẳng hạn, lãnh tụ của VNQĐĐ Chu Bá Phượng, Bộ trưởng Kinh tế, bị tống vào trại an trí (sau này gọi là trại cải tạo) khi tìm cách trốn khỏi vùng Việt Minh và cuối cùng có thể đã chết trong trại cải tạo; xem *Văn phòng Quốc hội, Đại biểu Quốc hội từ khoá I đến khoá X* (Hà Nội: Chính trị Quốc gia, 2002) để biết số phận của nhiều lãnh tụ VNQĐĐ và VNCMĐMH trong Quốc hội khoá I.

<sup>37</sup> Vũ Đình Hoè, *Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh*, tr. 68, 96-100. Một ví dụ nổi bật là Nguyễn Văn Huyền, Bộ trưởng Giáo dục của VNDCCH (cho đến 1975), con rể của Tổng đốc Thái Bình Vi Văn Định.

vào việc xây dựng một lực lượng dân quân với mục đích cùng chiến đấu bên cạnh các đồng minh.<sup>38</sup> Việc này không xảy ra. Khi Nhật đột ngột đầu hàng và khoảng trống quyền lực bỗng mở ra tại các thành phố, chính các nhóm địa phương đã bột phát đoạt lấy chính quyền một cách dễ dàng không cần đổ máu. Nhiều nhóm địa phương do các cán bộ cộng sản hoạt động ngầm hoặc mới ra tù tổ chức, nhưng nhiều nhóm khác lại do các nhân sĩ địa phương hoặc tầng lớp tư sản huy động. Chẳng hạn như ở Hà Nội, đảng viên Đảng Dân chủ (ĐDC)<sup>39</sup>, không phải đảng viên ĐCSĐD, có nhiều súng nhất.<sup>40</sup> Các tổ chức đối thủ của Việt Minh ở đây cũng chạy đua để giành chính quyền, nhưng vì những lý do khác nhau, họ đã thua cuộc trước các nhóm ủng hộ Việt Minh như ĐDC.<sup>41</sup> Phần lớn Đảng viên cộng sản ở các địa phương tự hành động chứ không theo chỉ thị của trung ương ĐCSĐD. Tại phần lớn các tỉnh miền Trung và miền Nam Việt Nam, chính các nhóm Thanh niên Tiền tuyến do Phan Anh, Bộ trưởng Thanh niên trong chính phủ Trần Trọng Kim, tổ chức trước đây, đã đoạt chính quyền.<sup>42</sup> Các lãnh tụ trung ương ĐCSĐD và lực lượng dân quân của họ phải mất nhiều ngày hoặc nhiều tuần sau mới tới nơi để nắm quyền kiểm soát những thành phố chính; tại phần lớn những nơi khác, các nhóm quần chúng hay dân quân tự phát mặc nhiên được công nhận là chính quyền Việt Minh tại địa phương.

Khi miêu tả những cuộc nổi dậy của quần chúng trên khắp Việt Nam cuối năm 1945, sử gia David Marr cho thấy rằng chính phủ Việt Minh dựng lên ở Hà Nội trên thực tế không có quyền đối với hàng nghìn ủy ban cách mạng địa phương.<sup>43</sup> Chính quyền trung ương thu nạp hầu hết các tổ chức quần chúng tự phát đã giành chính quyền địa phương hồi cuối năm 1945, không quan tâm tới chất lượng cách mạng hay sự trung thành chính trị. Các chính sách do những chính quyền "cách mạng" địa phương ban bố thực ra nhằm đáp ứng quyền lợi và điều kiện địa phương chứ không phải theo mệnh lệnh từ trung ương.<sup>44</sup> Vấn đề "quan cách mạng" lộng hành vì vậy trở nên nghiêm trọng sau khi nhà nước Việt Minh ra đời. Đặc biệt, các Ủy ban Nhân dân ở cấp làng xã rất tai tiếng vì thói hống hách, bè đảng, cấu kết, bắt bớ vô tội vạ và những lạm công quỹ.<sup>45</sup> Nội bộ chính quyền và dân quân địa phương rất lũng củng. Trong phần lớn các trường hợp, dân quân Việt Minh địa phương không hề đánh Nhật. Thay vào đó là "Việt Minh cũ" đánh nhau với "Việt Minh mới",<sup>46</sup> dân quân Việt Minh đọ súng với dân quân ĐDC,<sup>47</sup> và Ủy ban Nhân dân tranh quyền với Ủy ban Việt Minh.<sup>48</sup> Dưới đây chúng ta sẽ thấy rằng các vụ lộn xộn ở địa phương sẽ góp phần gây ra xung đột giữa các lãnh tụ cộng sản và không cộng sản trong chính phủ Việt Minh vào năm 1948.

Nói tóm lại, ĐCSĐD giành được chính quyền với rất ít máu đổ và dựng ra một nhà nước mới trong khoảng thời gian ngắn. Cái giá phải trả là việc thu nạp và thỏa hiệp với giới tinh hoa thuộc địa, nền hành chính thuộc địa và các nhóm quần chúng địa phương. Không phải những người cộng sản thu nạp tất cả mọi người: nhiều lãnh tụ Trốt-kít, Đại Việt, VNQDD cũng như VNCMĐMH là đối thủ sừng sỏ của ĐCSĐD đã bị thủ tiêu.<sup>49</sup> Nhưng thỏa hiệp giữa ĐCSĐD với giới trí thức không cộng sản trong nhóm *Thanh Nghị* có tầm quan trọng hơn hẳn sự hiện diện chiếu lệ của những nhân sĩ không cộng sản trong chính phủ cộng

<sup>38</sup> Tønnesson, *The Vietnamese Revolution of 1945*, tr. 336.

<sup>39</sup> Một đảng nhỏ với các lãnh tụ là trí thức và sinh viên do Pháp đào tạo mà ĐCSĐD tổ chức ra vào tháng Sáu năm 1944 nhằm huy động sự ủng hộ của giới tinh hoa thành thị. ĐCSĐD chỉ phối ĐDC thông qua những người cộng sản (ngầm) cấy vào hàng ngũ lãnh đạo của ĐDC.

<sup>40</sup> Marr, *Vietnam 1945*, tr. 393; Vũ Đình Hoè, *Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh*, tr. 63.

<sup>41</sup> Marr, *Vietnam 1945*, tr. 375-7.

<sup>42</sup> nt, tr. 464-6.

<sup>43</sup> nt, tr. 402.

<sup>44</sup> Marr, "*Beyond High Politics*."

<sup>45</sup> Xem thư của Hồ Chí Minh, "Thư gửi Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng", ĐCSVN, t. 8, tr. 16-8; cũng như loạt bài báo trên một tờ báo của VNQDD, "Xưa và nay: Nhìn qua các Ủy ban hành chính địa phương", *Việt Nam*, 25/5-5/6/1946.

<sup>46</sup> nt

<sup>47</sup> Vũ Đình Hoè trích từ một báo cáo năm 1948 của Phạm Tuấn Khánh, Tổng Thư ký ĐDC (Vũ Đình Hoè, *Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh*, tr. 141). Các xung đột nổ ra ở tỉnh Hải Dương và miền Nam Việt Nam. Cũng xem Marr, *Vietnam 1945*, tr. 409-10.

<sup>48</sup> Xem "Chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương", 25 tháng Mười một năm 1945, ĐCSVN, t. 8, tr. 30.

<sup>49</sup> Điều này không chỉ diễn ra ở Việt Nam: tại Indonesia Thủ tướng Sutan Sjahrir thỏa hiệp và hợp tác với Sukarno và Amir Sjarifuddin, nhưng không hợp tác với Tan Malaka. Xem Tuong Vu, *Paths to Development in Asia*.

sản sau năm 1949 tại Trung Hoa lục địa. Những "nhân sĩ ái quốc" này không đóng vai trò trực tiếp trong chiến thắng của Đảng Cộng sản Trung Quốc (ĐCS TQ) trong cuộc nội chiến và sau này mới được đưa vào chính phủ, chủ yếu để tuyên truyền. Ngược lại, các quan chức của chính phủ Trần Trọng Kim và những trí thức thành thị khác từng hợp tác với những người cộng sản có vai trò vô cùng lớn trong việc ĐCS ĐD lên nắm quyền và trụ vững tại đó từ cuối 1945 đến giữa 1946. Ở cấp độ quần chúng, nhà nước Việt Minh đã thu nạp nhiều nhóm quần chúng địa phương. Chúng ta sẽ thấy sự thu nạp này chỉ có hiệu quả tạm thời và những rạn nứt nghiêm trọng bên trong khối liên hiệp đã bộc lộ rõ vào năm 1948.

### Chiến tranh và các bối cảnh địa chính trị

Cuộc chiến giữa Pháp và chính phủ Việt Minh trải qua một bước ngoặt quan trọng trong năm 1947. Sau khi chiến tranh bùng nổ vào tháng Chạp năm 1946 giữa VNDCCH và Pháp, quân đội Pháp nhanh chóng giành được quyền kiểm soát phần lớn các thành phố và thị trấn. Ở miền Bắc Việt Nam, chính phủ VNDCCH rút lui vào các khu vực núi non Đông Bắc và tiến hành chiến lược vườn không nhà trống. Ngày 25 tháng Tư năm 1947, đúng bốn tháng sau khi chiến tranh bắt đầu, VNDCCH gửi thư cho chính phủ Pháp đề nghị thương thuyết ngừng bắn. Chúng ta không biết rõ lý do khiến chính phủ của Hồ Chí Minh đề nghị ngừng bắn. Trong một tài liệu nội bộ, lãnh đạo ĐCS ĐD giải thích rằng họ chấp nhận Việt Nam là thành viên của Liên hiệp Pháp [French Union] chừng nào Pháp cam kết độc lập thực thụ và toàn vẹn lãnh thổ. Có vẻ họ đặt rất nhiều hy vọng vào khả năng Đảng Cộng sản Pháp sớm lập một chính phủ mới, và vì vậy "không chủ trương tách Đông Dương ra khỏi khối Liên hiệp Pháp để ngã vào cánh tay của Anh-Mỹ."<sup>50</sup>

Để đáp lại, vào tháng Năm 1947, Cao uỷ Pháp Émile Bollaert thông qua một người đại diện đề nghị trao cho VNDCCH quyền tự trị bên trong Liên hiệp Pháp nhưng không có độc lập về quốc phòng và quan hệ đối ngoại.<sup>51</sup> Vẫn tiếp tục nuôi hy vọng, các lãnh tụ của ĐCS ĐD cải tổ cơ cấu chính phủ VNDCCH vào ngày 19 tháng Bảy năm 1947 để đưa thêm nhiều nhân vật không cộng sản vào, nâng số lượng các quan chức ngang cấp bộ trưởng thuộc loại này lên con số 15 trên 27.<sup>52</sup> Động thái này nhằm thể hiện mong muốn thương lượng, đồng thời chống lại tuyên truyền của Pháp cho rằng chính phủ VNDCCH chỉ là chính phủ cộng sản trá hình. Trong số những người được thêm vào này có hai người theo Thiên chúa giáo và một vị quan (Đặng Văn Hưởng) trước đây. Võ Nguyên Giáp vẫn là tổng tư lệnh quân đội VNDCCH, nhưng Tạ Quang Bửu, một quan chức của chính phủ Trần Trọng Kim trước đây, được thăng chức lên làm Bộ trưởng Quốc phòng. Thế nhưng nỗ lực mang tính tượng trưng này chỉ gặt hái được một kết quả đáng thất vọng. Trong bài diễn văn đọc tại Hà Đông vào ngày 10 tháng Chín năm 1947, Bollaert lặp lại ý định của Pháp dành cho Việt Nam "tự do trong Liên hiệp Pháp". Thậm chí ông ta còn từ chối thừa nhận VNDCCH là chính phủ hợp pháp của Việt Nam và tuyên bố việc sáp nhập Nam Kỳ với phần còn lại của đất nước sẽ được quyết định thông qua một cuộc trưng cầu dân ý.<sup>53</sup>

Trong khi ĐCS ĐD thất bại trong các mưu toan chính trị của mình, thì cựu hoàng Bảo Đại sống lưu vong tại Hồng Kông và các nhóm quốc gia lại giành được một số thắng lợi.<sup>54</sup> Sau khi thoát khỏi cuộc thanh trừng của cộng sản vào cuối năm 1946, VNQĐĐ và VNCMĐMH hợp nhất với các lãnh tụ tôn giáo miền

<sup>50</sup> "Nghị quyết Hội nghị Cán bộ Trung ương", 3-6/4/1947. ĐCSVN, t. 8, tr. 178-9. Cũng xem "Chỉ thị của T. Ú.", 22 tháng Năm 1947. nt, tr. 207-13.

<sup>51</sup> "Chỉ thị của T. Ú.", tr. 207. Một công trình có giá trị về giai đoạn 1947-1950 nhìn từ quan điểm của Pháp là Ellen Hammer, *The Struggle for Indochina 1940-1955* (Stanford: Stanford University Press, 1955). Một phân tích gần đây về chính trị của Pháp trong mối liên hệ với chính sách Đông Dương là Martin Thomas, "French imperial reconstruction and the development of the Indochina War, 1945-1950", trong Mark Lawrence và Fredrik Logevall, bs. *The First Vietnam War: Colonial Conflict and Cold War Crisis* (Cambridge, MA: Harvard University Press, 2007).

<sup>52</sup> Tân Trào (Trường Chinh), "Việc mở rộng chính phủ". *Sự thật*, 19 tháng Tám 1947. Trong bài báo này, Trường Chinh gợi ý rằng động thái chỉ mang tính tượng trưng và cảnh báo độc giả đừng có ảo tưởng về việc thương thuyết. Trong một tài liệu nội bộ, Đảng nói với các đảng viên là họ sẽ phải "chiến đấu mạnh mẽ hơn" nếu muốn đưa người Pháp trở lại bàn thương lượng. Xem "Thông cáo của T.Ú. về việc thay đổi một số nhân viên chính phủ", 27 tháng Bảy năm 1947, ký tên Lê Đức Thọ.

<sup>53</sup> Về các phản ứng của VNDCCH, xem "Bô-la nói gì? Ta phải làm gì? Chỉ thị của T.Ú.", 15 tháng Chín 1947. ĐCSVN, t. 8, tr. 289-303.

<sup>54</sup> Hammer, *The Struggle for Indochina 1940-1955*, tr. 209-22.



Nam lập ra Mặt trận Thống nhất Quốc gia vào tháng Năm 1947. Họ tự nhận là đại diện thực sự của tinh thần dân tộc chủ nghĩa, khác với chính phủ Việt Minh bị phe cộng sản thống trị. Nhóm này đã thu hút sự chú ý của Pháp và hai bên bắt đầu thương thuyết với nhau. Đến tháng Mười, quân Pháp nhảy dù xuống Việt Bắc, khởi sự một cuộc tấn công lớn. Nhưng chiến dịch quân sự của Pháp kết thúc sau hai tháng mà không có thắng lợi rõ ràng nào cho cả hai phía. Các vùng do Pháp kiểm soát được mở rộng, nhưng cuộc tấn công không đạt được mục tiêu ban đầu là tiêu diệt lãnh đạo và lực lượng chủ lực của Việt Minh. Sau những thất bại đầu tiên, quân đội Việt Minh đã chống trả và thu được vài chiến thắng nhỏ. Cuối năm 1947, chiến tranh rơi vào tình trạng bế tắc. Các lực lượng của Pháp vẫn có ưu thế hơn, nhưng cả hai bên đều nhận ra rằng đây sẽ là một cuộc chiến dai dẳng.

Cuộc tấn công của Pháp và tin đàm phán giữa Bollaert và Bảo Đại báo hiệu cho các lãnh tụ ĐCSĐD rằng việc theo đuổi thương thuyết của họ đã đi vào ngõ cụt. Một chiều hướng chính trị xấu nữa đối với ĐCSĐD là phe de Gaulle đang mạnh lên, dẫn tới thất bại của những người cộng sản Pháp trong cuộc bầu cử ở Pháp vào cuối tháng Mười 1947.<sup>55</sup> Niềm hy vọng mà các lãnh tụ ĐCSĐD đặt vào Đảng Cộng sản Pháp vẫn còn, nhưng giờ đây đã có ít lý do để thương thuyết hơn.<sup>56</sup> Quan trọng hơn cả, tính chính danh của chế độ Hồ Chí Minh bị đe dọa khi những phe nhóm quốc gia chống cộng đã tập hợp lại và bắt đầu cạnh tranh có hiệu quả với chính phủ Việt Minh trong việc giành hậu thuẫn của quốc tế và ủng hộ của dân chúng. Ngày 2 tháng Chạp năm 1947, một bước đột phá quan trọng đã diễn ra với cuộc gặp gỡ giữa Bảo Đại và Bollaert tại Vịnh Hạ Long. Trước đó, Bảo Đại đã gạt bỏ các đề nghị của Pháp về độc lập hạn chế cho Việt Nam trong Liên hiệp Pháp; thế nhưng giờ đây ông ta lại đồng ý gặp Bollaert. Tháng Năm 1948, lần đầu tiên kể từ năm 1945, ở Đông Dương tồn tại hai chính phủ: một do Hồ Chí Minh lãnh đạo trong vùng rừng núi miền Bắc Việt Nam, và một do tướng Nguyễn Văn Xuân lãnh đạo đặt dưới sự bảo hộ của Pháp tại Sài Gòn.<sup>57</sup>

Trong khi sự ủng hộ của Pháp dành cho Bảo Đại và các nhóm quốc gia chống cộng trở thành một mối lo ngại lớn đối với ĐCSĐD, những chuyển biến trong khối Xô viết vào cuối năm 1947 lại mang đến nhiều cơ hội. Tại Warsaw (Ba Lan) vào tháng Chín 1947, Cục Thông tin của các Đảng Cộng sản và Lao động được lập ra với sự tham gia của chín đảng cộng sản châu Âu. Người phụ trách công tác tư tưởng của Đảng Cộng sản Liên Xô, Andre Zhdanov, đã phát biểu trong cuộc họp, tố cáo Tổng thống Mỹ Truman đang mưu đồ thống trị thế giới. Zhdanov trình bày về sự hình thành của hai khối chính trị-quân sự đối nghịch do Mỹ và Liên Xô đứng đầu và cho rằng phe đế quốc sẽ phải thất bại. Zhdanov cũng nhắc tới Indonesia và Đông Dương như là các thành viên của "mặt trận phản đế và chống phát xít". Ông ta kêu gọi tất cả các đảng cộng sản hãy nắm lấy quyền lãnh đạo phong trào phản đế tại đất nước mình.

Một tiến triển khác theo thời gian ngày càng có thêm tầm quan trọng là việc thành lập một căn cứ du kích cộng sản tại miền Nam Trung Quốc đi kèm với chiến thắng của các lực lượng ĐCSĐD tại Mãn Châu. Ngày 20 tháng Chạp năm 1947, Mao Trạch Đông đọc một báo cáo quan trọng tại Hội nghị toàn thể Trung ương của ĐCSĐD, thông báo một giai đoạn mới trong cuộc nội chiến tại Trung Quốc trong đó Hồng quân Trung Quốc bắt đầu chuyển sang thế tấn công. Trong bài diễn văn của mình, Mao kiểm điểm tình hình quân sự kể từ khi chiến tranh bắt đầu, trình bày chiến lược của Hồng Quân nhằm chiến đấu chống lại kẻ thù ban đầu mạnh hơn, và ghi nhận các thành công của chính sách đất đai do ĐCSĐD tiến hành. Hai tháng trước đó, một cuộc họp của ĐCSĐD về vấn đề ruộng đất đã thông qua đạo luật mới về ruộng đất, trong đó lần đầu tiên kể từ khi nội chiến nổ ra, chính sách cải cách ruộng đất được ĐCSĐD

<sup>55</sup> Thomas, "French imperial reconstruction," tr. 142-6.

<sup>56</sup> ĐCSĐD hy vọng rằng Đảng Cộng sản Pháp sẽ lãnh đạo một cuộc nội chiến ở Pháp. Trung ương Đảng tiên đoán trong trường hợp đó, tướng Franco của Tây Ban Nha có thể sẽ đem quân can thiệp vào Pháp nhằm hỗ trợ phe bảo thủ trong khi Mỹ can thiệp vào Đông Dương. Do đó họ tính đến một "phong trào cách mạng" mới ở châu Âu và việc cách mạng Trung Quốc và Việt Nam hợp lại để chống liên minh giữa Mỹ và nước Pháp bảo thủ tại châu Á. Xem "Thông cáo của Thường vụ T.Ư.", 2 tháng Chạp 1947, ký tên Phương (Trường Chinh). ĐCSVN, t. 8, tr. 337-9.

<sup>57</sup> Hammer, *The Struggle for Indochina 1940-1955*, tr. 221-3.

quyết tâm đẩy mạnh. Nhờ có những mối quan hệ rất tốt ở nước ngoài, các báo cáo của Zhdanov và Mao đều nhanh chóng tới tay ĐCSĐD.<sup>58</sup>

Như các phần dưới đây sẽ chỉ ra, tình hình khối Xô viết có tác động rất đáng kể lên ĐCSĐD. Ý tưởng về hai phe đối đầu về ý thức hệ không mới mẻ gì với Đảng và họ đã ủng hộ những người cộng sản Trung Hoa từ những năm 1930.<sup>59</sup> Diễn văn của Zhdanov lần đầu tiên cho thấy chính sách của Xô viết đối với VNDCCH có thể được đảo ngược; cho đến lúc đó, Stalin vẫn lờ đi mọi kêu gọi của Hồ Chí Minh xin được công nhận về mặt ngoại giao và viện trợ. Việc thành lập Cục Thông tin các Đảng Cộng sản biểu thị một khối cộng sản thống nhất hơn và một Liên Xô kiên quyết hơn trong việc đối đầu với phe đế quốc. Những chiến thắng của ĐCSTQ tại Mãn Châu và căn cứ mới của nó tại miền Nam Trung Quốc mở ra khả năng liên kết giữa các lực lượng cộng sản Trung Quốc và Việt Nam. Hơn thế nữa, Mao rao giảng rằng một chiến lược quân sự thành công không đòi hỏi phải xoa dịu giai cấp địa chủ, một chính sách mà ĐCSĐD đã theo đuổi cho đến khi đó. Ngược lại, Mao lập luận một cách mạnh mẽ rằng phóng tay phát động quần chúng mới là tiền đề cho thắng lợi.

Như vậy là cuộc chiến tranh chống Pháp, các sự kiện tại Trung Quốc, và sự khởi đầu của Chiến tranh Lạnh ở châu Âu đã cùng nhau tạo ra điều kiện thuận lợi cho việc chuyển sang chính sách đối nội khuynh tả tại Việt Nam. Ngay khi chính phủ Hồ Chí Minh vừa từ bỏ hy vọng về một giải pháp hoà bình nhanh chóng thông qua thương lượng và chuẩn bị cho một cuộc chiến đấu lâu dài, những cơ hội tốt đã xuất hiện cho phép vừa "tả hoá" nền chính trị đối nội, vừa mở rộng phạm vi cuộc chiến. Quả là, như chúng tôi từng chỉ ra, các lãnh tụ ĐCSĐD không phải là những con cừu theo chủ nghĩa quốc gia bị tình thế bắt buộc phải hoá thân thành những con sói cộng sản.<sup>60</sup> Ngược lại, chính hoàn cảnh trong năm 1945 đã buộc họ phải đội lên mình bộ lông quốc gia chủ nghĩa ôn hoà; với các tiến triển của năm 1947, họ sẵn sàng vứt bộ lông hoá trang ấy đi. Phần tiếp theo, chúng ta sẽ xem xét tình hình chính trị vào năm 1948 bên trong khối liên hiệp dân tộc đã từng tạo dựng lên chính phủ Việt Minh. Nhìn vào tình hình này, hoàn toàn có thể cho rằng một cuộc nội chiến Việt Nam hẳn đã có thể xảy ra ngay cả khi không có những sự kiện quốc tế kể trên.

### **Lũng củng bên trong chính phủ liên hiệp Việt Minh, 1945-1947**

Cho đến lúc này, tôi đã chỉ ra việc ĐCSĐD nắm được chính quyền nhờ vào thỏa hiệp và thu nạp như thế nào; nhưng đối lại, Đảng Cộng sản cũng phải nhân nhượng nhiều trong các mục tiêu cách mạng xã hội. Quan trọng hơn nữa là việc ĐCSĐD phải chia sẻ quyền lực chính quyền với những nhân sĩ trí thức không cộng sản. Những người này không tán thành đường lối cách mạng xã hội bằng bạo lực của người cộng sản. Chính quyền Hồ Chí Minh cũng buộc phải lưu dụng các viên chức ngạch hành chính thuộc địa, những người nói chung có quan điểm bảo thủ. Hoàn cảnh ép buộc chính quyền này phải chấp nhận các chính quyền địa phương được tự phát thành lập. ĐCSĐD cũng buộc phải mở cửa cho các giai cấp trên gia nhập Đảng. Đó là những cái giá phải trả để có thể lên nắm quyền và sống sót trong giai đoạn 1945-1946. Chiến thuật cộng sản sử dụng "bạn đồng hành" [fellow travellers] trong từng giai đoạn khi cần thiết và bỏ rơi họ khi không còn cần nữa có vẻ rất dễ dàng trên lý thuyết,<sup>61</sup> nhưng dưới đây chúng ta sẽ thấy rằng ở trường hợp Việt Minh, thực tế phức tạp hơn lý thuyết một chút. Việc thỏa hiệp và thu nạp gây ra nhiều khó khăn cho chính phủ Việt Minh, và vào năm 1948 những khó khăn ấy trở nên gay gắt

<sup>58</sup> Báo cáo của Zhdanov được dịch và đăng trên nhiều số báo *Sự thật*, bắt đầu từ 19 tháng Năm 1948, trong khi báo cáo của Mao và chính sách ruộng đất của ĐCSTQ cũng được dịch và đăng nhiều kỳ trên *Sự thật* bắt đầu từ 15 tháng Tư 1948.

<sup>59</sup> Xem Tuong Vu, "From Cheering to Volunteering"; và Vu, "Dreams of Paradise: The Making of a Soviet Outpost in Vietnam", *Ab Imperio: Studies of New Imperial History and Nationalism in the Post-Soviet Space*, tháng Tám năm 2008.

<sup>60</sup> nt

<sup>61</sup> Theo lý thuyết của Lenin, "bạn đồng hành" là những người nhất trí với các mục tiêu ngắn hạn của Đảng Cộng sản nhưng không lựa chọn việc đứng dưới lá cờ của nó. Họ được khuyến khích gia nhập các tổ chức quần chúng trong một mặt trận đoàn kết. Xem Huỳnh Kim Khánh, *Vietnamese Communism*, tr. 138-9.

trên ba lĩnh vực có liên quan với nhau: chính sách ruộng đất, các xung đột trong hàng ngũ lãnh đạo, và việc kiện toàn các tổ chức nhà nước và đảng.

Khi mặt trận Việt Minh được lập ra vào năm 1941, các lãnh tụ ĐCSĐD đã quyết định tạm gác vấn đề phân chia ruộng đất nhằm củng cố khối liên hiệp dân tộc. Cùng lúc, họ cũng tin rằng đặt mục tiêu giải phóng đất nước lên trước không nhất thiết gây trở ngại cho cách mạng xã hội; các điều kiện quốc tế có lợi có thể cho phép cả hai được tiến hành cùng một lúc.<sup>62</sup> Theo lập luận của họ, sẽ không có trở ngại bởi vì (1) nếu Đảng, đội tiên phong của những người vô sản, nắm được quyền lãnh đạo cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, Đảng sẽ dễ dàng lái cuộc cách mạng đó theo hướng phục vụ cho mục tiêu cách mạng xã hội; (2) trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, Đảng kiểm soát chính phủ và có thể sử dụng nó như một công cụ để tiến hành cách mạng xã hội; (3) khi cách mạng Đông Dương thắng lợi, "thế giới sẽ giống như một nồi nước sôi sục". Tình hình ấy có thể sẽ cho phép cách mạng Đông Dương nhảy vọt, chuyển sang cách mạng vô sản và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Suy nghĩ này được thể hiện trong chính sách ruộng đất khi ĐCSĐD lập ra nhà nước Việt Minh vào cuối năm 1945. Mặc dù những người cộng sản không kêu gọi chia lại ruộng đất, họ vẫn ban hành các đạo luật buộc địa chủ phải giảm tô 25%, tái cấu trúc nợ nần, và xoá bỏ một số loại tô.<sup>63</sup> Những đạo luật này gợi ý rằng, trong khi ĐCSĐD bị buộc phải thu nạp địa chủ vào mặt trận Việt Minh toàn quốc, thì nó không từ bỏ mục tiêu cách mạng xã hội của mình, mà chỉ chờ thời điểm tốt hơn.<sup>64</sup> Đáng buồn là những đạo luật với mục tiêu khá khiêm tốn này cũng không được thực hiện.

Chính sách giảm tô bị phản đối và cưỡng lại ngay khi được ban hành. Ngay từ tháng Chín năm 1946, Tổng bí thư ĐCSĐD Trường Chinh công khai phê bình những người cổ vũ việc tách rời hai cuộc cách mạng.

Đến đây một quan điểm sai lầm về bước tiến triển của cách mạng Việt Nam cần phải đánh đổ. Có người cho rằng cách mạng Việt Nam cần phải đi từng bước một: cách mạng giải phóng dân tộc (phản đế) hoàn thành, rồi mới đến cách mạng dân chủ hoặc cách mạng ruộng đất (phản phong kiến); cách mạng dân chủ hoặc cách mạng ruộng đất hoàn thành, rồi mới đến cách mạng xã hội chủ nghĩa. Thuyết "tuần tự nhi tiến" đó là sai. Bên trong, quyền lãnh đạo cách mạng ngày càng vững chắc *trong tay giai cấp vô sản cầm quyền*; các lực lượng dân chủ, tiến bộ đúc thành một khối không thể lay chuyển; bên ngoài, Liên Xô, nước xã hội chủ nghĩa, thắng lợi và phong trào dân chủ nhân dân phát triển bùng nổ. Trong điều kiện lịch sử ấy, cách mạng Việt Nam có thể vừa hoàn thành nhiệm vụ phản đế, vừa giải quyết *một phần* nhiệm vụ phản phong.<sup>65</sup> (in nghiêng trong nguyên bản).

Các chỉ trích của Trường Chinh phản ánh một sự chia rẽ nhất định về tư tưởng bên trong ĐCSĐD dù cho chúng ta không biết ai là người trong hàng ngũ lãnh đạo đảng bị chỉ trích. Bất chấp lời kêu gọi đầy nhiệt tình của Trường Chinh, mọi việc thay đổi rất ít vì các lý do liên quan đến thỏa hiệp hồi năm 1945 như tôi sẽ giải thích dưới đây. Trong một bản kiểm điểm toàn diện các chính sách nông thôn của Đảng vào năm 1950, Trường Chinh cho rằng chương trình giảm tô từ 1945 vẫn chưa được hoàn thành ngay tại những vùng nằm dưới sự kiểm soát hoàn toàn của Việt Minh. Việc chuyển giao đất tịch thu từ người Pháp sang cho nông dân hoặc bị lơ là hoặc được tiến hành quá chậm chạp.<sup>66</sup> Trong những trường hợp tệ hại nhất, tá điền đã gửi hàng trăm lá thư tới chính quyền tỉnh và trung ương để than phiền về nhiều cán bộ không

<sup>62</sup> "Trung ương Hội nghị lần thứ Tám", tháng Năm 1941. ĐCSVN, t. 7, tr. 120-1. Xem phân tích của chúng tôi về tài liệu này trong Vu, "From Cheering to Volunteering."

<sup>63</sup> *Bộ Canh nông, giảm tô giảm tức, thể lệ lĩnh canh* (Việt Bắc, kh. 1950), tr. 7-12.

<sup>64</sup> "Cách mạng tháng Tám: Triển vọng của Cách mạng Việt Nam", *Sự thật*, 7 tháng Chín năm 1946.

<sup>65</sup> nt

<sup>66</sup> "Chính sách của Đảng ở nông thôn (Việt Nam)", báo cáo của Trường Chinh tại cuộc họp của Ủy ban Kinh tế Trung ương, 5-7/7/1950. ĐCSVN, t. 11, tr. 608-12. Tài liệu này không nêu lên việc tịch thu đất từ "Việt gian". Không giống như chính sách đối với ruộng đất do Pháp sở hữu, chính sách liên quan đến đất của "Việt gian" cho tới khi đó chỉ được quyết định đối với từng trường hợp cụ thể.

công bằng hoặc hống hách. Công điền ở các làng xã không được phân chia theo luật định. Trong chiến dịch trung mua gạo cho chính phủ, người giàu thường tìm được cách tránh không phải bán, trong khi đó người nghèo phải đi vay gạo với lãi suất cao nhằm đảm bảo thực hiện nghĩa vụ với chính phủ. Những nơi các đạo luật giảm tô được áp dụng, chúng gây ra căng thẳng rất lớn nhưng lại không mấy hiệu quả trong việc giúp đỡ tá điền.<sup>67</sup>

Trong khi chính sách ruộng đất không mấy tiến triển, thì xung đột nổ ra ngày càng gay gắt giữa những người cộng sản và những người không cộng sản ở nhiều cấp độ trong chính phủ vào năm 1948.<sup>68</sup> Giờ đây Đảng không còn kiểm soát các đô thị và cũng đã đào tạo được đủ số lượng cán bộ đảng viên để điều hành chính quyền. Do đó, trí thức thành thị và chuyên gia do Pháp đào tạo không còn cần thiết cho Đảng như hồi cuối năm 1945. Xung đột giữa những người cộng sản và những người không cộng sản xảy ra trong bối cảnh ấy. Những người không cộng sản khó chịu khi những người cộng sản, thường là có học vấn thấp hơn, đòi quyền kiểm soát một cách thô bạo các lĩnh vực chuyên môn trải từ các chính sách luật pháp, kinh tế cho tới văn học. Đối với chính sách nông thôn, những người không cộng sản trong chính phủ Việt Minh ủng hộ cải cách ruộng đất nhưng lại có cảm tình với phú và trung nông.<sup>69</sup> Vì vẫn giữ được quyền nắm năm bộ của nhà nước, Tư pháp, Giáo dục, Công thương, Canh nông và Thuỷ lợi, quan điểm của họ đã được chuyển hoá thành các chính sách ôn hoà. Trong số này, Tư pháp là bộ quan trọng nhất bởi vì nó là một phần của cơ cấu cưỡng chế của nhà nước. Đó cũng là nơi các xung đột gay gắt nhất đã diễn ra. Khi nhà nước Việt Minh được thành lập, các Bộ trưởng Tư pháp không cộng sản<sup>70</sup> đã bổ nhiệm các luật gia do Pháp đào tạo làm thẩm phán trong bộ máy tư pháp của chính quyền trung ương và các cấp thấp hơn.<sup>71</sup> Những nơi chính sách giảm tô được áp dụng, những thẩm phán này thường xuyên, dựa trên đánh giá của chính họ và nhân danh luật pháp cũng như độc lập tư pháp, đứng về phía địa chủ chống lại cả tá điền lẫn chính quyền địa phương. Đôi khi các thẩm phán này ra lệnh thả những người bị công an địa phương bắt bất hợp pháp. Họ cũng không ngần ngại trong việc ra lệnh bắt giữ và xử án nhiều quan chức địa phương tham nhũng nhưng lại là Đảng viên.<sup>72</sup>

Sự căng thẳng giữa các lãnh tụ cộng sản và không cộng sản trở nên sâu sắc một phần do việc chính phủ Việt Minh lưu dụng hệ thống hành chính thuộc địa. Không giống như ở Trung Quốc, nơi ĐCSQ loại bỏ phần lớn quan chức hành chính của chính quyền Tưởng Giới Thạch ngay trong năm đầu tiên, nhà nước Việt Nam vẫn lưu dụng các viên chức thuộc địa trong nhiều năm. Ngay từ đầu đã có những lời than phiền về nhiều "phần tử phản cách mạng" trong số các giáo viên còn lại từ chế độ thuộc địa. Các tài liệu của Đảng ghi nhận rằng các cựu viên chức thuộc địa không mấy hào hứng, thậm chí còn cố ý phá hoại các chính sách của chính phủ. Như chúng ta có thể tiên đoán, cuộc hôn phối của một đảng cách mạng với một nền hành chính thuộc địa không thể êm thấm được. Như Trường Chinh viết vào năm 1946, phần lớn cán bộ chính trị "trung thành, hăng hái, hiểu chính trị và tháo vát, nhưng phần nhiều thất học, trình độ văn hoá thấp", và nhiều phần không biết chữ.<sup>73</sup> Ngược lại, các chuyên gia, nhà quản lý và trí thức được đào tạo thời Pháp "tuy có trình độ văn hoá, nhưng lại ít hiểu về chính trị." Xung đột trở nên căng thẳng vào năm 1948: cán bộ chính trị coi thường và không tin tưởng giới chuyên môn; đến lượt mình, những người kia lại lập luận rằng vì Việt Nam đã giành được độc lập, đã đến lúc các cán bộ chính trị cần được thay thế bằng những chuyên gia có học, những người có các kỹ năng cần thiết để quản lý nhà nước. Các lãnh tụ ĐCSĐĐ đã biết tới cuộc xung đột trên giữa những quan chức hành pháp và tư pháp trong chính

<sup>67</sup> Về một trường hợp của sự căng thẳng này, xem Vũ Đình Hoè, *Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh*, tr. 120-1. Báo của Đảng cũng nhận xét rằng chính sách giảm tô được thi hành trọn vẹn ở miền Nam, chậm chạp ở miền Trung, và bị coi nhẹ ở miền Bắc cho tới năm 1948. Chí Thanh, *Sự thật*, 30 tháng Mười năm 1950.

<sup>68</sup> Cũng xem Dương Đức Hiền, "Đảng Dân chủ Việt Nam trong hàng ngũ Mặt trận", *Độc lập*, 20 tháng Hai năm 1951 và Hoàng Văn Đức, "Hiện trạng đời sống viên chức, trí thức", *Độc lập*, 15 tháng Mười năm 1951.

<sup>69</sup> Chẳng hạn, Đỗ Đức Dục, một thành viên của nhóm *Thanh Nghị* và một lãnh tụ của ĐDC, kêu gọi bảo vệ trung nông trong cải cách ruộng đất. *Độc lập*, 15 tháng Ba năm 1953.

<sup>70</sup> Đó là các luật gia do Pháp đào tạo Vũ Trọng Khánh và Vũ Đình Hoè.

<sup>71</sup> Vũ Đình Hoè, *Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh*, tr. 53-6.

<sup>72</sup> Sđd., tr. 159-65; 196-7.

<sup>73</sup> "Cách mạng tháng Tám: Nhiệm vụ cần kíp của dân tộc Việt Nam", *Sự thật*, 4 tháng Mười năm 1946.

phủ từ giữa năm 1946.<sup>74</sup> Năm 1950, Trường Chinh than phiền về các viên chức của Bộ Canh nông cùng các ty địa phương vì không thi hành chính sách của đảng đến nơi đến chốn. Theo ông, các quan chức này là sản phẩm của nền hành chính thuộc địa chú không xuất thân từ giai cấp nông dân, do đó có hiểu biết kém về tình hình nông thôn và không quan tâm đến lợi ích của người nông dân.<sup>75</sup>

Ngoài chính sách ruộng đất và xung đột nội bộ, tổ chức của ĐCSĐD cũng có vấn đề. Một khó khăn các lãnh tụ ĐCSĐD gặp phải từ năm 1945 là làm thế nào giữ được tính chọn lọc trong việc kết nạp đảng viên mới trong khi phải thỏa hiệp và thu nạp tầng lớp trên vào phong trào giải phóng dân tộc. ĐCSĐD phát triển rất nhanh từ 1945 đến 1950. Từ chưa tới 5.000 đảng viên vào cuối năm 1945, Đảng đã có hơn 760.000 vào năm 1950, nghĩa là phát triển hơn một trăm lần.<sup>76</sup> Rõ ràng Đảng đã quan tâm đến thu nạp hơn là chọn lọc: theo một ước tính của Đảng vào năm 1952, hơn 65% đảng viên xuất thân từ giai cấp tiểu tư sản.<sup>77</sup> Nếu so sánh giữa Việt Nam và Trung Quốc, chúng ta sẽ hiểu ý nghĩa của con số này. Với đa số đảng viên xuất thân từ bần cố nông, nhà nước của Mao bén rễ vào giới nông dân vững chắc hơn nhiều và nội bộ ĐCSĐD để nhất trí việc áp dụng các chương trình kinh tế-xã hội cực đoan như cải cách ruộng đất bằng bạo lực. Với một đảng được cấu thành chủ yếu từ trung nông và các giai cấp xã hội cao hơn, giấc mơ cách mạng xã hội xây dựng trên đấu tranh giai cấp của các lãnh tụ ĐCSĐD khó mà thoát khỏi chống đối nội bộ. Chính sách giảm tô nói đến ở trên bị lơ một phần vì nó bị cản trở bởi các viên chức không cộng sản và các thẩm phán địa phương. Nhưng phần khác, sự lơ là này cũng có nguồn gốc từ chính bên trong hàng ngũ của Đảng.

Tóm lại, thỏa hiệp và thu nạp đã gây ra nhiều vấn đề cho các lãnh tụ ĐCSĐD nôn nóng thực hiện một chương trình cách mạng cộng sản. Những vấn đề này bao gồm những cản trở trong việc thực hiện chính sách giảm tô, sự "nhiễm độc" trong Đảng bởi các phần tử tư sản, và xung đột với những nhân sĩ không cộng sản trong chính phủ liên hiệp và với các viên chức lưu dụng. Những vấn đề này đã xuất hiện vào năm 1946 nhưng trở nên gay gắt hơn vào năm 1948. Như chúng tôi sẽ trình bày ở phần tiếp theo, những vấn đề này gây lo lắng cho các lãnh tụ ĐCSĐD khi họ quyết định đưa cuộc cách mạng của mình theo con đường đấu tranh giai cấp vào năm 1948.

### **Bước ngoặt dẫn đến đấu tranh giai cấp và nội chiến vào năm 1948**

Chính sách của ĐCSĐD được điều chỉnh dần vào năm 1948 khi Đảng ứng phó với những hoàn cảnh mới. Những thay đổi chính sách được tiến hành thông qua hai hội nghị Trung ương vào tháng Giêng và tháng Tám năm 1948. Các thay đổi này bao gồm một chính sách ruộng đất mạnh tay hơn và một Đảng mang tính vô sản nhiều hơn. Sau hội nghị tháng Giêng, xuất hiện cuộc tranh luận công khai gay gắt giữa các lãnh tụ không cộng sản và cộng sản của chính phủ về tư pháp độc lập và vai trò của những người không cộng sản trong cách mạng. Cuộc tranh luận này còn kéo dài cho mãi tới năm 1950, nhưng vào cuối năm 1948 chúng ta đã có thể thấy sự rạn nứt sâu sắc và không thể hàn gắn giữa hai nhóm lãnh đạo trong chính phủ liên hiệp. Những người không cộng sản sẽ không bị hoàn toàn vô hiệu hoá cho tới khoảng năm 1950, nhưng nhiều người trong số họ đã bắt đầu "dinh tề" vào năm 1949, chủ yếu do bất mãn với những người cộng sản. Dù cho các sự kiện tại Việt Nam không dẫn ngay đến nội chiến như ở Mã Lai, Miến Điện và Indonesia, thì năm 1948 ở Việt Nam vẫn là bước ngoặt quan trọng trên một đường hướng không thể đảo ngược.

Đầu tiên chúng ta hãy xem xét chính sách ruộng đất. Vào các ngày 15-17 tháng Giêng năm 1948, ĐCSĐD tổ chức hội nghị Trung ương để định ra chính sách cho tình hình mới. Nghị quyết của hội nghị này cho thấy sự phẫn khích của những người cộng sản Việt Nam trước các tiến triển mới trên thế giới và

<sup>74</sup> "Nghị quyết của Hội nghị Cán bộ Trung ương", 31/7-1/8/1946. ĐCSVN t. 8, tr. 103.

<sup>75</sup> Trường Chinh, "Chính sách của Đảng ở nông thôn (Việt Nam)," tr. 612-3. Trong bài diễn văn của mình tại cùng hội nghị, Thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng tiếc rằng ĐCSĐD đã lưu dụng các viên chức thuộc địa mặc dù ông không nói chi tiết về vấn đề. Xem Phạm Văn Đồng, "Phải kiên toàn chính quyền cộng hoà nhân dân", tr. 185.

<sup>76</sup> Xem "Nhân dân dân chủ chuyên chính ở Việt Nam", một báo cáo tại Hội nghị Trung ương lần thứ ba (có lẽ vào tháng Tư năm 1952). ĐCSVN, t. 14, tr. 95-6.

<sup>77</sup> Xem "Vấn đề chính Đảng", báo cáo của Lê Văn Lương tại Hội nghị Trung ương lần thứ ba. ĐCSVN, t. 14, tr. 102.

thông báo những thay đổi quan yếu trong chính sách ruộng đất cùng với nhiều chính sách khác. Phần nhận định tình hình quốc tế trong nghị quyết ghi nhận sự thành lập của Cục Thông tin của các Đảng Cộng sản và Lao động, đồng thời nhấn mạnh các điểm quan trọng trong bài diễn văn của Zhdanov. Nghị quyết bắt đầu với câu, "Các lực lượng phản dân chủ và dân chủ, đế quốc và chống đế quốc trên thế giới đã dần dần sắp thành hai phe rõ rệt 'Phe đế quốc phản dân chủ' và 'Phe dân chủ chống đế quốc'"; đây cũng là một câu quan trọng trong bài nói chuyện của Zhdanov.<sup>78</sup> Nghị quyết nhận định rằng "cuộc đại phản công của Quân Giải phóng Trung Hoa đang đẩy mạnh phong trào nông dân khởi nghĩa [tại các vùng dưới sự kiểm soát của QĐĐTQ] và cách mạng ruộng đất [tại các vùng của ĐCSĐTQ] ở Trung Hoa. Quân Giải phóng Trung Hoa đã lập được căn cứ sát biên giới Bắc Bộ".<sup>79</sup> Ngoài việc nhấn mạnh rằng cuộc vận động giảm tô phải được tiến hành mạnh mẽ hơn, lần đầu tiên Đảng ra lệnh tịch thu đất và tài sản của "Việt gian", hoặc để chia lại cho nông dân nghèo, hoặc để bộ đội canh tác nhằm tự cung tự cấp.<sup>80</sup> Đảng cũng ra lệnh tổ chức Hội nghị cán bộ nông vận ở cấp khu và tỉnh nhằm đẩy nhanh việc vận động nông dân.<sup>81</sup> Các điều tra nông thôn trước đây đã có chỉ thị nhưng không được tiến hành; giờ đây, việc này được ưu tiên, một phần bởi vì Đảng cần biết "Việt gian" có bao nhiêu đất đai và tài sản để tịch thu.

Hội nghị cũng quyết định một số chính sách nhằm kiện toàn tổ chức của ĐCSĐĐ. Đảng đã phát triển nhanh chóng kể từ năm 1945: trong quý bốn của năm 1947, chỉ riêng số lượng đảng viên tại các tỉnh phía Bắc đã lên đến hơn 10.000.<sup>82</sup> Các lãnh tụ của đảng không thực sự hài lòng với những con số này, vì công nhân vẫn mới chỉ chiếm 7% và phụ nữ 6,5% trong tổng số đảng viên, trong khi đa số đảng viên xuất thân từ trung nông và tiểu tư sản. Đảng quyết định triệu tập Đại hội vào tháng Tám năm 1948 bởi:

Cuộc Cách mạng Tháng Tám đã thắng lợi hơn hai năm rồi. Cuộc kháng chiến toàn quốc cũng đã hơn một năm. Tình hình thế giới lại bước vào một thời mới, với sự khủng hoảng kinh tế và chính trị đương lan rộng trong các nước tư bản. Những biến cố mới ấy đề ra những nhiệm vụ nặng nề. Hội [Đảng] phải duyệt lại chương trình, đường lối về cuộc vận động cách mạng trong nước. Hơn nữa, việc chung đúc kinh nghiệm và thống nhất tư tưởng, hành động toàn Hội là vấn đề cấp bách.<sup>83</sup>

Ngoài một Đại hội (rồi sẽ bị hoãn nhiều lần cho mãi tới tháng Ba năm 1951), Trung ương ĐCSĐĐ khởi động một chiến dịch tăng số lượng đảng viên với tham vọng phát triển số Đảng viên ở mỗi khu lên 30% trong năm tháng tiếp theo.<sup>84</sup> Xuất phát từ mỗi quan ngại của Đảng về việc đảng viên gồm quá nhiều người thuộc các giai cấp trên, nghị quyết này ra chỉ thị rằng việc kết nạp phải chọn lọc hơn: đối tượng chính là bộ đội và du kích, công nhân, và dân chúng ở các vùng nằm dưới sự kiểm soát của Pháp và các vùng dân tộc thiểu số. Ngoài mục tiêu trên, phát triển Đảng phải đi kèm với việc kiện toàn thông qua tăng cường đào tạo và các hoạt động có kế hoạch. Mục đích là có được 20% chi bộ trong toàn Đảng "được kiện toàn" trong vòng năm tháng.<sup>85</sup>

Một phần nhờ chiến dịch kết nạp đảng viên này mà Đông Dương gần đạt tiêu chuẩn thế giới vào đầu năm 1949 về tỉ lệ đảng viên cộng sản trên tổng số dân chúng. Như Hồ Chí Minh đã tự hào tuyên bố

<sup>78</sup> "Nghị quyết Hội nghị Trung ương mở rộng", 15-17/1/1948. ĐCSVN, t. 9, tr. 16.

<sup>79</sup> nt, tr. 17.

<sup>80</sup> nt, tr. 31. Cũng xem mệnh lệnh sau đó nhằm tiến hành chính sách: "Chỉ thị gửi các khu uỷ về việc tịch thu ruộng đất, tài sản của bọn Việt gian phản quốc", 18 tháng Hai năm 1948. ĐCSVN, t. 9, tr. 60-1. Đảng chưa đủ động đến địa chủ lúc này.

<sup>81</sup> "Chỉ thị về vấn đề vận động nông dân", 19 tháng Năm 1948. ĐCSVN, t. 9, tr. 140-1.

<sup>82</sup> nt, tr. 45.

<sup>83</sup> nt, tr. 44. Cũng xem một quyết định chi tiết hơn "Quyết nghị của Ban Thường vụ Trung ương", 1 tháng Tư năm 1948. ĐCSVN, t. 9, tr. 85-8.

<sup>84</sup> "Chỉ thị của Ban Thường vụ Trung ương", ký tên Lê Đức Thọ, 1 tháng Sáu năm 1948. ĐCSVN t. 9, tr. 149. Có nhiều lý do Đại hội bị hoãn, nhưng có vẻ hai lý do quan trọng hơn cả là khó khăn của các đại biểu của cơ sở Đảng tại miền Trung và miền Nam Việt Nam để tới được căn cứ Việt Bắc vào những năm 1948-1950, và việc chiến tranh Triều Tiên bùng nổ vào tháng Sáu năm 1950.

<sup>85</sup> Văn kiện này không nói tới việc thanh trừng đảng viên vì thành phần giai cấp. Việc này chỉ bắt đầu được tiến hành từ khoảng 1953.

trong bài diễn văn bế mạc Hội nghị Cán bộ Trung ương lần thứ 6 vào tháng Giêng năm 1949, trong khi có 20 triệu người cộng sản trên tổng số hai tỉ người (1 trên 100) trên toàn thế giới, thì tại Đông Dương, tỉ lệ này là 1 trên 112.<sup>86</sup> Số lượng đảng viên đã tăng 300% trong chín tháng đầu năm 1948 và 450% trong toàn năm 1948.<sup>87</sup> Từ chỗ chỉ có 20.000 đảng viên vào cuối năm 1946, một năm sau đó Đảng đã có 50.000 thành viên, và khoảng 180.000 vào cuối năm 1948.<sup>88</sup>

Cả chính sách ruộng đất và việc kiện toàn tổ chức đảng đều chỉ ra những bước đi cực đoan hơn trên con đường đấu tranh giai cấp theo hướng bạo lực sẽ bắt đầu thực sự vào năm 1953. Tuy nhiên, những thay đổi chính sách này có ít ý nghĩa tượng trưng [symbolic significance] hơn cuộc tranh luận giữa những người cộng sản và những người không cộng sản trong chính phủ Việt Minh về độc lập tư pháp và thực thi pháp luật tại địa phương. Bắt đầu vào năm 1948 và kéo dài cho tới đầu năm 1950, cuộc tranh luận công khai này bề ngoài có vẻ ôn hoà nhưng không có nghĩa là không quan trọng.<sup>89</sup> Những bộ trưởng không cộng sản nắm quyền kiểm soát các lãnh vực chính sách xã hội, kinh tế, văn hoá và tư pháp. Các trí thức thành thị cũng đóng những vai trò nổi bật trong các cấp và các cơ quan của chính phủ; họ có nhiều hậu thuẫn trong giới viên chức thuộc địa và thậm chí trong hàng ngũ Đảng viên ĐCSĐD. Hiếm có khi nào mà cuộc xung đột gay gắt giữa những người cộng sản và những người không cộng sản ở cấp cao nhất trong nhà nước Việt Minh được thể hiện công khai như trong dịp này. Cuộc tranh luận chỉ liên quan tới một số ít người, nhưng trên thực tế nó được cả giới lãnh tụ cao nhất, giới quan chức địa phương lẫn những người trong lĩnh vực thi hành pháp luật theo dõi sát sao.

Bên phía cộng sản, người đứng ra tranh luận là Quang Đạm, một người được Trường Chinh đỡ đầu, biên tập viên của *Sự thật* và dịch giả nhiều tác phẩm của Mao sang tiếng Việt.<sup>90</sup> Cách viết của Quang Đạm đầy thẩm quyền như thể ông ta là một người phát ngôn không chính thức cho Đảng. Về phần mình, những người không cộng sản giao cho Vũ Trọng Khánh, một luật gia do Pháp đào tạo và là chủ trương lý Khu 10, làm đại diện chính. Vũ Trọng Khánh từng là Thị trưởng Hải Phòng dưới chính phủ Trần Trọng Kim và là Bộ trưởng Tư pháp đầu tiên trong chính phủ Việt Minh vào cuối 1945. Đứng về cùng phía với Vũ Trọng Khánh là Vũ Đình Hòe, thư ký của Tân Việt Nam Hội, được lập ra để hỗ trợ chính phủ Trần Trọng Kim từ tháng Tư đến tháng Tám năm 1945. Vũ Đình Hòe là một luật gia do Pháp đào tạo và trở thành Bộ trưởng Giáo dục vào cuối năm 1945 và Bộ trưởng Tư pháp từ 1946. Cuộc tranh luận cho thấy, và đào sâu hơn, mức độ khác biệt về ý thức hệ giữa những người cộng sản và không cộng sản. Sau cuộc tranh luận, ĐCSĐD sẽ dần tước quyền của các bộ trưởng và viên chức không cộng sản.

Cuộc tranh luận khởi đầu với những lời phê phán của phe cộng sản đối với nguyên tắc độc lập tư pháp. Các thẩm phán địa phương dùng nguyên tắc này biện minh cho các hành động nhằm hạn chế sự lạm dụng quyền lực của chính quyền địa phương hoặc của các cán bộ đảng. Nhiều thẩm phán từ chối làm theo chỉ thị của các uỷ ban đảng hoặc hành chính địa phương, đồng thời thả những người bị bắt vì các lý do chính trị nhưng trái với luật pháp. Trong hai bài báo đầu tiên mở màn cuộc tranh luận, Quang Đạm tung ra hai hướng tấn công, một chống lại hệ thống tư pháp của chủ nghĩa tư bản và một chỉ trích các trí thức do Pháp đào tạo.<sup>91</sup> Trước hết, ông lập luận rằng luật và công lý, với tư cách là một bộ phận của nhà nước, vận hành để phục vụ lợi ích giai cấp. Trong những xã hội có giai cấp, không có gì nằm trên đầu tranh giai cấp. Độc lập tư pháp và phân quyền [giữa lập pháp, hành pháp và tư pháp] có thể đã từng

<sup>86</sup> "Bài nói chuyện trong buổi bế mạc Hội nghị", Hội nghị Cán bộ Trung ương, 14-18/1/1949. ĐCSVN, t. 10, tr. 166-7.

<sup>87</sup> "Báo cáo về tình hình Đảng năm 1948", Hội nghị Cán bộ Trung ương, 14-18/1/1949. ĐCSVN, t. 10, tr. 120-50. Con số 450% cho năm 1948 được lấy từ "Hoàn thành nhiệm vụ chuẩn bị, tích cực chuyển sang tổng phản công", báo cáo của Trường Chinh tại Hội nghị toàn quốc lần thứ ba, 21/1-3/2/1950. ĐCSVN, t. 11, tr. 92.

<sup>88</sup> Tuy nhiên sự tăng trưởng không đồng đều: chỉ riêng Khu 3 (các tỉnh ở thượng nguồn sông Hồng) đã có 70.000 đảng viên. Miền Nam Việt Nam có tổng cộng khoảng 30.000 đảng viên vào cuối năm 1948.

<sup>89</sup> Cuộc tranh luận diễn ra trên *Sự thật*, tờ báo của ĐCSĐD, và *Độc lập* một tờ báo tuần của ĐDC.

<sup>90</sup> Xem *Quang Đạm: Nhà báo, học giả* (Hà Nội: Lao động, 2002). Quang Đạm là bút danh của Tạ Quang Đê, từng làm thẩm phán trong chính quyền thuộc địa và không có liên hệ với *Thanh Nghị*. Anh trai ông, Tạ Quang Bửu, nổi tiếng hơn nhiều, đã từng phục vụ chính phủ Trần Trọng Kim và là một thứ trưởng của Việt Minh.

<sup>91</sup> "Tư pháp với nhà nước", *Sự thật*, 15 tháng Tư 1948; "Tính chất chuyên môn trong tư pháp", *Sự thật*, 19 tháng Năm 1948.

giúp cho tư sản châu Âu hạn chế quyền lực võ đoán quân chủ, nhưng kể từ đó đã trở thành một thứ huyền thoại nhằm che đậy bản chất áp bức của hệ thống chủ nghĩa tư bản. Tại các xã hội thuộc địa, chính quyền thực dân cũng đưa ra huyền thoại đó, nhưng các toà án của nó chưa bao giờ mang lại công lý cho người dân xứ thuộc địa, mà ngược lại đã ban bố hàng nghìn bản án độc ác chống lại các nhà cách mạng dân tộc. Độc lập tư pháp và phân quyền không phải là các nguyên tắc linh thiêng và trung tính như một số người tin tưởng. Quang Đạm tập trung tấn công vào luật của tư bản nhưng không hề tìm cách áp đặt một cái khung khái niệm theo chủ nghĩa Lê Nin cho luật của xã hội chủ nghĩa. Ông ta dùng đấu tranh giai cấp làm cơ sở lý thuyết và tấn công vào hệ thống luật của thuộc địa, nhưng ở đây ông tuyên bố mình bảo vệ quyền lợi "nhân dân" và "quần chúng", chứ chưa phải lợi ích giai cấp.

Hướng tấn công thứ hai của Quang Đạm nhằm vào các lãnh tụ không cộng sản, những người từng được đào tạo tại các trường thuộc địa. Ông ta tố cáo "nhiều phần tử trí thức" xa rời "quần chúng" và "nhân dân". Các "phần tử" này do Pháp đào tạo, bị nhiễm những thứ lý thuyết cũ kỹ của tư sản được tạo ra để phục vụ cho lợi ích của chính quyền thực dân và các giai cấp bóc lột. Những người này có lòng tự ái cao và tin quá mức vào tự do cá nhân. Động cơ của họ là sự đố kỵ, tham vọng và mong muốn địa vị xã hội và quyền lực chính trị. Hiểu biết chuyên môn về luật của họ chỉ đơn giản là kinh nghiệm áp dụng những thủ tục luật phức tạp chứ không đảm bảo việc thực thi công lý, nhưng họ lại cho rằng hiểu biết chuyên môn ấy là đủ để họ có được một tự do không hạn chế, nằm ngoài mọi kiểm soát chính trị. Vô tình hay cố ý, họ đang giúp đỡ bọn phản cách mạng thông qua việc cứ khăng khăng đòi độc lập tư pháp và hãn học chỉ trích các uỷ ban hành chính địa phương. Rõ ràng là Quang Đạm muốn nói thay cho những cán bộ đảng thất học không ưa các trí thức do Pháp đào tạo và thái độ có vẻ ngạo mạn của họ với các cán bộ chính trị.

Để đáp lời Quang Đạm, các đối thủ của ông phủ nhận tính thích đáng và hợp thức của đấu tranh giai cấp ngay cả ở bình diện lý thuyết. Đặc biệt, Vũ Trọng Khánh lập luận rằng luật không chỉ là một công cụ của giai cấp thống trị mà còn là một công cụ bảo vệ kẻ yếu chống lại kẻ mạnh và kẻ nhiều quyền lực.<sup>92</sup> Luật cao hơn đấu tranh giai cấp. Chẳng hạn như luật dân sự dùng để điều chỉnh các xung đột giữa những người bình thường và không có gì liên quan tới chính trị. Luật được xây dựng và phản ánh không chỉ dựa trên ý chí của tầng lớp thống trị mà cả các tập quán xã hội ở các khối "nhân dân". Tương tự, độc lập tư pháp nhằm để bảo vệ "nhân dân," nghĩa là ở trên mọi giai cấp, và để phòng ngừa việc những người có chức quyền lạm dụng quyền lực ở mọi chế độ, dù là chế độ dân chủ hay không. Vũ Đình Hòe chỉ ra rằng Việt Nam chưa bao giờ có một nền tư pháp độc lập kể từ thời cổ đại cho tới thuộc địa.<sup>93</sup> Chính là "nhờ Cách mạng Tháng Tám" mà giờ đây "nhân dân" mới được hưởng hệ thống luật tiến bộ này. Nói cách khác, Vũ Đình Hòe hàm ý những trí thức như ông đại diện cho "cách mạng", chứ không phải chống lại. Độc lập tư pháp không phải một huyền thoại của chế độ phong kiến lẩn thuộc địa, nó mang tính cách mạng.

Vũ Đình Hòe cho rằng hệ thống tư pháp dưới sự lãnh đạo của ông kể từ đầu cuộc cách mạng là hoàn toàn đứng về phía "nhân dân". Về nguyên tắc, mọi thẩm phán đều do các cơ quan *đại diện* cho nhân dân chỉ định, như Quốc hội và các Hội đồng Nhân dân địa phương. Tại các cấp địa phương, ông cho biết Bộ Tư pháp đã thiết lập một hệ thống bồi thẩm theo đó "nhân dân" có thể tham gia trực tiếp xử án các trường hợp đặc biệt. Vũ Đình Hòe gián tiếp nhắc nhở những người cộng sản rằng, theo bản Hiến pháp năm 1946 vẫn còn hiệu lực, các cơ quan do dân bầu ra, chứ không phải Đảng Cộng sản hay chính phủ, mới nắm quyền lực nhà nước tối cao. Các thẩm phán chỉ tuân theo những cơ quan ấy. Nói cách khác, thông điệp gửi tới những người cộng sản là, các anh không đồng nhất với "nhân dân" và các anh cũng phải có trách nhiệm giải trình [accountability] trước "nhân dân". Theo lập luận của Vũ Đình Hòe, "nhân dân" với tư cách một tập thể rõ ràng là nền tảng duy nhất của sự hợp thức, chứ không phải các giai cấp xã hội. Ông buộc các lãnh tụ cộng sản phải đối mặt với tuyên bố trước đây của họ [về chính phủ do dân

<sup>92</sup> "Ý kiến bạn đọc về vấn đề tư pháp", *Sự thật*, 19/8-2/9/1948; và "Vấn đề tư pháp", *Sự thật*, 20 tháng Sáu, 10 tháng Bảy và 1 tháng Tám năm 1949.

<sup>93</sup> "Tư pháp trong chế độ dân chủ mới", *Độc lập*, tháng Bảy năm 1948.



và vì dân] và các thể chế nhà nước vẫn còn hợp thức [ví dụ Hiến pháp 1946] được lập ra dựa trên những thỏa hiệp trước đây với những người không cộng sản.

Vũ Trọng Khánh và Vũ Đình Hòe đẩy Quang Đạm vào thế phòng thủ: Quang Đạm phải biện minh rằng phe cộng sản đại diện cho "nhân dân".<sup>94</sup> Quang Đạm lập luận rằng chính phủ và "nhân dân" là một, vì chính phủ được cấu thành từ những đại diện ưu tú nhất của nhân dân. Tôn trọng "nhân dân" có nghĩa là theo lệnh chính phủ, đặc biệt là các chính quyền địa phương. Các uỷ ban địa phương gần với "nhân dân" hơn cả", họ biết "mong muốn của người dân" rõ hơn là chính phủ trung ương. Chính "nhân dân" chứ không phải các uỷ ban này đã bắt Việt gian bởi vì nhân dân căm ghét chúng. Những vụ bắt bớ trái luật là do các hoàn cảnh đặc biệt, nhưng làm thế nào mà các thủ tục luật pháp lại có thể quan trọng hơn "mong muốn của người dân" được? Các uỷ ban địa phương không lạm dụng quyền lực của mình mà chỉ hành động vì lợi ích của nhân dân thông qua việc bắt "Việt gian". Các quan chức ngành tư pháp nên ủng hộ thay vì chỉ trích những uỷ ban ấy.

Mặc dù khởi đầu cuộc tranh luận với lý thuyết đấu tranh giai cấp, giờ đây Quang Đạm bị buộc phải bám vào một khái niệm "nhân dân" rất mù mờ, khiến cho ông ta càng xa rời đấu tranh giai cấp hơn. "Nhân dân" theo Quang Đạm nghĩ là một tập đoàn không thể phân chia và kiên quyết gắn liền với cuộc đấu tranh. Nhân dân có một "ý chí tập đoàn" đại diện cho hình thức công lý tối cao; và "lợi ích của nhân dân" phải được coi như là nguyên tắc luật tối cao. Nhân dân có một "mong muốn chung", mà các cán bộ tư pháp phải tuân theo.<sup>95</sup> Vì không có khả năng đáp trả các lập luận lý thuyết của đối thủ, Quang Đạm quay sang dọa nạt:

"Trước Toà án tối cao là Toà án của nhân dân, dưới đạo luật tối cao là ý chí của nhân dân, kẻ nào cố ý hay vô tình bám vào hình thức pháp luật mà phản lại tinh thần pháp luật, quyết không thể tránh khỏi bản cáo trạng và sự trừng phạt rất đơn giản nhưng rất đích đáng của nhân dân".

Cuộc tranh luận kéo dài đến năm 1950, nhưng sau loạt bài báo đầu tiên của Quang Đạm và đáp trả của Vũ Trọng Khánh và Vũ Đình Hòe vào năm 1948, ta đã có thể thấy rõ mâu thuẫn nằm ở đâu và chúng là không thể hàn gắn. Mặc dù việc những quan chức không cộng sản sẽ bị tước bỏ quyền lực vẫn chưa xảy ra, có vẻ như điều này sẽ chỉ là vấn đề thời gian. Quả thực, các viên chức tư pháp do Pháp đào tạo như Vũ Văn Huyền và Trần Chánh Thành bị khiển trách do tranh cãi với chính quyền địa phương đã bắt đầu dính tê vào năm 1949.<sup>96</sup>

Ngay cả khi ĐCSĐD không thể triệu tập một hội nghị Đảng toàn quốc vào tháng Tám năm 1948 do nhiều nguyên nhân, khi ấy một đường lối mới đã ra đời để chỉ đạo cách mạng cho đến năm 1953. Ở Hội nghị Cán bộ lần thứ 5 vào tháng Tám 1948, Trường Chinh đọc một báo cáo dài theo đó, lần đầu tiên kể từ 1941, nhiệm vụ cải cách ruộng đất đã chính thức được đặt ngang hàng với nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Mục tiêu cuối cùng của cách mạng giờ đây được chính thức tuyên bố là chủ nghĩa xã hội. Bản báo cáo mang tên "Chúng ta chiến đấu cho độc lập và dân chủ", với "dân chủ" được hiểu là một "chế độ dân chủ mới" tương tự với nền dân chủ được thiết lập tại Đông Âu, Bắc Triều Tiên và "những vùng được giải phóng" ở Trung Quốc. Trích dẫn Zhdanov, E. Varga (Đảng Cộng sản Pháp), Gottwald (Chủ tịch Tiếp Khắc) và Dimitrov (lãnh tụ Bulgaria và trước đây là một trong những người lãnh đạo Quốc Tế Cộng Sản),

<sup>94</sup> "Vài điểm căn bản về vấn đề tư pháp", *Sự thật*, 15 tháng Mười một, 30 tháng Mười một, và 19 tháng Chạp năm 1948; và "Về cuộc thảo luận vấn đề tư pháp", *Sự thật*, 6 tháng Giêng năm 1950.

<sup>95</sup> Cho mãi đến năm 1950, sau khi VNDCCH đã chính thức gia nhập khối Xô viết, Quang Đạm mới dùng từ "nhân dân" như một khái niệm dựa trên giai cấp, nghĩa là "nhân dân" với tư cách một tập thể được tạo nên từ hai giai cấp (công nhân và nông dân) dẫn dắt cách mạng dân tộc và đấu tranh giai cấp. Xem Quang Đạm, "Người trí thức trong xã hội và trong cách mạng", *Sự thật*, 15 tháng Ba năm 1950. Từ "nhân dân" trước 1945 không hay được sử dụng. Đến 1950, nó chủ yếu được một số ít tác giả dùng, một trong số đó là Trường Chinh. Từ này được sử dụng rộng rãi và bắt đầu có một số hàm ý Mác xít có lẽ là nhờ các nỗ lực của Trường Chinh trong việc quảng bá nó và du nhập điển ngôn cách mạng Trung Quốc vào Việt Nam từ sau 1950. "Renmin" (dịch từng từ là "nhân dân") là một từ trọng tâm trong điển ngôn của Mao.

<sup>96</sup> Sau này Trần Chánh Thành sẽ trở thành Bộ trưởng Thông tin của Việt Nam Cộng hoà dưới thời Ngô Đình Diệm.

Trường Chinh lập luận rằng "chế độ dân chủ mới" này là một sáng tạo mới của vô sản thế giới bằng cách áp dụng lý thuyết Mác-xít-Lê-nin-nít.<sup>97</sup> "Cách mạng dân chủ mới" tương tự như cách mạng dân chủ tư sản (cũ) ở chỗ cả hai đều hướng tới việc tiêu diệt chế độ phong kiến do giai cấp địa chủ làm đại diện. Dĩ nhiên "cách mạng dân chủ mới" do vô sản lãnh đạo, chứ không phải giai cấp tư sản. "Chế độ dân chủ mới" nghe không có vẻ tiên tiến bằng chuyên chính vô sản được sử dụng ở Liên Xô, nhưng nó vẫn hướng tới xây dựng Chủ nghĩa Xã hội và Chủ nghĩa Cộng sản. Nhờ các điều kiện thế giới thuận lợi (sự giúp đỡ có được từ Liên Xô và phe tư bản chủ nghĩa đang rơi vào khủng hoảng), các nền dân chủ mới có thể phát triển Chủ nghĩa Xã hội mà không cần đổ máu nhiều trong đấu tranh giai cấp.<sup>98</sup> Trường Chinh kết luận rằng, "Ngày nay, cách mạng Đông Dương phải 'hiện nguyên hình'... là cách mạng tư sản dân chủ, cách mạng dân chủ mới" dù cho cuộc chiến chống Pháp [của VNDCCH] vẫn có thể được coi là một cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc.<sup>99</sup> Nói cách khác, loài sói giờ đây có thể hiện nguyên hình là sói mà không cần giả làm cừu nữa. Trong khi Trường Chinh và ĐCSĐD vẫn muốn duy trì mặt trận dân tộc thống nhất,<sup>100</sup> thì trong bài diễn văn này cũng như tên của nó, chúng ta có thể thấy họ đang nhắm xa hơn độc lập dân tộc. Họ hướng tới một ngày của tương lai gần khi hoàn thành được mục tiêu thứ hai, "chế độ dân chủ mới", và họ đang tích cực chuẩn bị cho ngày đó tới thông qua chính sách ruộng đất và nhiều chính sách khác.

### Kết luận

Cho đến nay, các sử gia đã không xem năm 1948 là một bước ngoặt quan yếu của cuộc cách mạng ở Đông Dương. Rõ ràng các thay đổi ở Việt Nam trong năm này không dẫn tới một cuộc nội chiến như tại các nước Đông Nam Á khác, nhưng chúng vẫn rất quan trọng trong bối cảnh chính trị Việt Nam. Tiểu luận này trình bày các sự kiện trong các năm 1947-1948, đồng thời quay trở lại với những thỏa hiệp mà ĐCSĐD thực hiện khi nắm chính quyền vào cuối năm 1945. Những thỏa hiệp chính trị ở giai đoạn chính phủ Việt Minh mới lên nắm chính quyền giúp chúng ta hiểu được tầm quan trọng của năm 1948, nghĩa là lúc khối đoàn kết dân tộc bắt đầu sụp đổ - chưa phải là một cuộc nội chiến nhưng cũng đã là sự chia rẽ không thể đảo ngược.

Trong khi tình hình quốc tế thúc đẩy các lãnh tụ ĐCSĐD đưa ra một đường lối cực đoan hơn, thì họ lo lắng trước những vật cản đối với cuộc cách mạng của họ: thất bại trong việc tiến hành các chính sách giảm tô, xung đột với các lãnh tụ không cộng sản trong chính phủ, và mâu thuẫn giữa lý tưởng đấu tranh giai cấp của Đảng với quan điểm bảo thủ của các viên chức hành chính thuộc địa được lưu dụng. Những vấn đề này có nguồn gốc ở những thỏa hiệp và thu nạp thực hiện vào cuối năm 1945 để đổi lại sự ủng hộ của dân chúng và tầng lớp tinh hoa thuộc địa. Đa số lãnh tụ của Đảng mong muốn tiến hành một cuộc cách mạng xã hội càng sớm càng tốt nên họ bức xúc trước các vấn đề này. Họ phân tích tình hình thế giới dựa trên thế giới quan của họ về một cuộc đối đầu không thể tránh khỏi giữa hai phe.<sup>101</sup>

Còn lại một câu hỏi lớn: Tại sao ĐCSĐD không đoạn tuyệt ngay lập tức với những người không cộng sản vào năm 1948 và bắt đầu nội chiến như ở các nước Đông Nam Á khác? Câu hỏi này cần nghiên cứu thêm, nhưng chúng tôi có thể đề xuất một vài lý do. Có thể những lãnh tụ nhiệt tình với đấu tranh giai cấp như Trường Chinh cần thời gian để thuyết phục những đồng chí cẩn trọng hơn trong hàng ngũ lãnh đạo của Đảng đi theo mình. Những người cẩn trọng có thể đã lập luận thuyết phục về việc tiến hành thay đổi chậm hơn. Trước hết, ĐCSĐD đã thống trị khối liên hiệp, và những nhân vật không cộng sản như Vũ Đình Hòe không thể đe dọa quyền lực của nó.<sup>102</sup> Nó có thể kiên nhẫn chờ đợi trong khi dần dần

<sup>97</sup> Trường Chinh, "Chúng ta chiến đấu cho độc lập và dân chủ", bài diễn văn tại Hội nghị Cán bộ lần thứ năm, 8-16/8/1948. ĐCSVN, t. 9, tr. 191.

<sup>98</sup> nt, tr. 187-92.

<sup>99</sup> nt, tr. 198.

<sup>100</sup> nt, tr. 209-18.

<sup>101</sup> Vu, "From Cheering to Volunteering."

<sup>102</sup> Vào năm 1957, sau khi những sai lầm của cải cách ruộng đất được phát hiện, ông Vũ, lúc đó vẫn là Bộ trưởng Tư pháp trên danh nghĩa (dù quyền lực thực tế thì từ năm 1949 đã mất về tay Thứ trưởng Tư pháp Trần Công Tường là một đảng viên), và một vài nhân sĩ trí thức không cộng sản đề nghị nhà nước cho phép Đảng Dân chủ được hoạt

loại "những bạn đồng hành" không còn có lợi ra khỏi chính phủ. Thứ hai, xét về mặt quân sự, cán cân vẫn nghiêng về phía người Pháp và ĐCSĐD không đại gì loại bỏ những người không cộng sản vẫn được dân chúng kính trọng. Ngoài ra, còn có mối nguy những người này sẽ bị chính phủ Bảo Đại thu hút về. Giữ họ lại trong vòng kiểm soát đồng thời vô hiệu hoá họ là một chiến lược khôn ngoan hơn so với để cho họ chạy đi để giúp Bảo Đại. Hoặc, ngay cả nếu ĐCSĐD thủ tiêu ngay lập tức các lãnh tụ không cộng sản, thì động thái này có thể kích động rất nhiều người vẫn đang phân vân giữa Bảo Đại và Hồ Chí Minh chuyển hẳn sang ủng hộ Bảo Đại. Thứ ba, ĐCSĐD có thể trông cậy vào hỗ trợ quốc tế nếu Đảng biết kiên nhẫn. Các lực lượng cộng sản Trung Quốc từ giữa năm 1948 đã ở vào thế thắng và việc họ áp sát biên giới Việt Nam chỉ còn là vấn đề thời gian. Đây cũng là một khác biệt cốt yếu về tình hình của ĐCSĐD so với các đảng cộng sản khác tại Đông Nam Á. Nếu ĐCSĐD chờ đợi, nó có thể được ĐCSQT hỗ trợ trong một thời gian gần. Nếu nó hành động vội vàng, Mỹ có thể can thiệp trong khi Hồng Quân Trung Quốc vẫn còn ở xa. Với các đảng cộng sản khác ở Đông Nam Á, thời gian không đứng về phía họ. Nếu hành động trong khi các đối thủ phe quốc gia vẫn còn yếu, thì họ có cơ may chiếm được thế thượng phong. Họ không thể trông chờ một sự giúp đỡ từ bên ngoài nào và nếu như chờ đợi, cơ may của họ trong việc đánh bại đối thủ sẽ ngày càng ít hơn.

Mặc dù đã tự kiềm chế, bước ngoặt năm 1948 đã dẫn tới việc nhiều trí thức và chuyên gia chán nản rời khỏi hàng ngũ Việt Minh trong những năm sau đó. Không phải ai cũng bỏ đi, và trong số những người ở lại nhiều người đã phải chịu đựng các vụ thanh trừng đầy bạo lực trong cải cách ruộng đất, "chiến dịch chỉnh huấn tổ chức đảng", rồi vụ *Nhân văn-Giai phẩm* hồi giữa thập niên 1950.<sup>103</sup> Và câu chuyện cũng chưa dừng tại đó. Lịch sử sẽ lặp lại vào năm 1975 khi các trí thức thành thị miền Nam Việt Nam trước đó từng gia nhập Mặt trận Giải phóng Dân tộc nhanh chóng bị gạt ra lề sau khi thống nhất đất nước. Dù cho Đảng Cộng sản Việt Nam mới đây đã tỏ ra xoa dịu trí thức, thì cái quá khứ xung khắc ấy vẫn còn để lại di chứng. Theo nghĩa này, bóng ma năm 1948 vẫn ám ảnh nền chính trị Việt Nam cho đến ngày hôm nay.

---

© 2009 tạp chí talawas

---

động như một đảng đối lập để ngăn ngừa những sai lầm tương tự. ĐCSVN lập tức cho ông Vũ về hưu non. Bộ Tư pháp bị giải thể và VNDCCCH/Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam không có Bộ Tư pháp cho đến những năm 90 của thế kỷ 20.

<sup>103</sup> Để có các bình luận mới về những sự kiện ấy, xem Vu, *Paths to Development in Asia*; Ninh, *A World Transformed*; và Shawn McHale, "Vietnamese Marxism, Dissent, and the Politics of Postcolonial memory: Tran Duc Thao, 1946-1993," *Journal of Asian Studies*, 61, 1 (tháng Hai năm 2002), tr. 7-31.